

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY CHỈ MANG GIÁ TRỊ THAM KHẢO, NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA CỔ PHẦN CÓ TRÁCH NHIỆM TÌM HIỂU, ĐÁNH GIÁ CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA MÌNH. CÔNG ĐỒNG BÁN CỔ PHẦN KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU DO CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI CUNG CẤP KHÔNG TRUNG THỰC VỚI THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA SCIC
TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI**



- ❖ **Tổ chức chào bán cổ phần**
Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
Số 117 Đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 84-4-3824-0703 Fax: 84-4-8278-0136
- ❖ **Tổ chức tư vấn bán đấu giá**
Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Q1, TPHCM
Điện thoại: (84-8) 39143588 Fax: (84-8) 39143209

CHÀO BÁN CỔ PHẦN THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu
đường Gia Lai**

Giấy Chứng nhận ĐKKD : số 5900181735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp,
đăng ký lần đầu ngày 15/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/01/2014.

Vốn điều lệ hiện tại : 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

Tổng số cổ phần : 450.000 cổ phần

Thông tin về đợt chào bán

Tên cổ phiếu chào bán : **Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu
đường Gia Lai**

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng chào bán : 219.304 cổ phần (tương đương 48,73% vốn điều lệ)

Tổng giá trị chào bán : 2.193.040.000 đồng

Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

Giá khởi điểm : **10.300 đồng/cổ phần**

Phương thức chào bán : **Bán đấu giá công khai cả lô.**

Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ:

Tên công ty : **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)**

Trụ sở chính : Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Q1, TPHCM

Điện thoại : 08.39143588 Fax: 08.39143209

Chi nhánh Hà Nội : Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn
Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại : (84 4) 6 262 6999 Fax: (84 4) 6 278 2688

Website : www.vcsc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	2
1.	Rủi ro về kinh tế	2
2.	Rủi ro về luật pháp	4
3.	Rủi ro đặc thù	4
4.	Rủi ro của đợt chào bán	4
5.	Rủi ro khác	5
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
1.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai	5
2.	Tổ chức tư vấn : Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	5
IV.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2.	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty	8
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên	11
4.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ	11
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán	12
6.	Hoạt động kinh doanh	12
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất	13
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	15
9.	Chính sách đối với người lao động	15
10.	Chính sách cổ tức	16
11.	Tình hình hoạt động tài chính	16
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát	19
13.	Tài sản	24
14.	Kế hoạch kinh doanh năm 2014 - 2016	29
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	29
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán	30
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán	30
VI.	THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	30
1.	Những thông tin cơ bản về việc đấu giá	30

2.	Mục đích của việc chào bán	30
3.	Địa điểm công bố thông tin	30
4.	Đăng ký mua cổ phần	31
5.	Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá	32
6.	Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá	32
VII.	PHỤ LỤC	33

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;
- Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Quyết định số 152/QĐ-ĐTKDV ngày 22/5/2017 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai;
- Công văn số 960/ĐTKDV-CNMT ngày 22/5/2017 của SCIC về việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai;
- Quyết định số 04/2017/QĐ0PTGD.VCSC ngày 22/5/2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt về việc thành lập Ban tổ chức đấu giá;
- Biên bản cuộc họp ngày 22/5/2017 của Ban tổ chức đấu giá về việc thông qua Hồ sơ bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai;
- Hợp đồng kinh tế số 07/2014/HĐ-TV.VCSC-HN ký ngày 20/06/2014 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) với Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai;
- Và các quy định khác có liên quan.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, doanh thu chủ yếu từ dịch vụ duy tu sửa chữa đường bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Công ty gặp phải sự cạnh tranh của các doanh nghiệp ở trong cùng địa bàn tỉnh Gia Lai. Do nguồn vốn nhỏ nên Công ty không thể tham gia đấu thầu, việc mở rộng và phát triển hoạt động xây dựng mới gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra hoạt động duy tu sửa chữa còn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, thiên tai, định hướng quy hoạch giao thông của tỉnh Gia Lai. Những rủi ro về kinh tế mà Công ty có thể gặp phải được thể hiện ở các chỉ tiêu sau đây.

1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Trong năm 2015 kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục được cải thiện và đã có những chuyển biến tích cực. Lạm phát năm 2015 dừng ở mức 1.48% và được đánh giá là thấp nhất trong vòng 13 năm vượt xa mọi dự báo trước đó.

Năm 2016, tăng trưởng GDP 2016 là 6,21% so với năm 2015. Trong bối cảnh cầu tiêu dùng và cầu đầu tư nội địa chưa có sự bứt phá, động lực tăng trưởng trong thời gian qua vẫn phụ thuộc nhiều vào ngoại lực (khối FDI), khai thác tài nguyên thiên nhiên và đầu tư công. Theo đó, khi gặp những diễn biến bất lợi trên thị trường thế giới kết hợp với việc giải ngân ngân sách gặp một số vướng mắc, việc tăng trưởng kinh tế chậm lại là khó tránh khỏi.

Trong bối cảnh như vậy, ước tính kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2017 sẽ có kịch bản như sau: Mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% trong năm tới của Chính Phủ gặp nhiều thách thức, theo đó dự báo GDP năm 2017 chỉ đạt 6,3%-6,5%. Tỷ lệ lạm phát được Chính phủ đặt ra dưới mức 5% rất có thể sẽ đạt được. Năm 2017, mặc dù tiếp tục chịu nhiều áp lực từ bất ổn chính trị, kinh tế thế giới nhưng nguồn cung ngoại tệ vẫn ở mức dồi dào giúp Ngân hàng Nhà nước chủ động hơn trong việc điều hành và bình ổn thị trường khi cần thiết nhằm đảm bảo các mục tiêu quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Về lãi suất, trong năm 2017 kỳ vọng không có biến động lớn và chỉ giao động tăng hoặc giảm không quá 0,5%.

1.2 Rủi ro lạm phát

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi vòng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá nguyên liệu và giá nhân công. Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiểm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai như chi phí nguyên vật liệu ... đều có xu hướng gia tăng, qua đó phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3 Rủi ro lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể huy động vốn vay và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2016, lãi suất huy động và cho vay có xu hướng giảm nhẹ. Lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4,3%-5,5%/năm, từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,3% - 7%/năm, từ tháng 12 trở lên trong khoảng 6,5% - 8%/năm.

Với định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, quyết định điều chỉnh giảm lãi suất như kể trên của Ngân hàng Nhà nước là khá hợp lý trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát ở mức thấp và thanh khoản hệ thống đang khá tốt trong khi tăng trưởng tín dụng chưa được đẩy mạnh. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trên thực tế để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất được dự đoán sẽ tiếp tục chịu áp lực với những vấn đề còn tồn tại trong hệ thống ngân hàng và những biến động trên thị trường thế giới đặc biệt là lộ trình tăng lãi suất của FED đi cùng rủi ro tỷ giá. Theo đó, khả năng lãi suất giảm thêm là rất khó xảy ra.

1.4 Rủi ro tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông, do đó những biến động về tỷ giá gây ảnh hưởng tới không đáng kể tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được xem là khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, vẫn còn tồn tại nhiều quy định hành chính phức tạp chồng chéo, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, sẽ có rủi ro biến động pháp lý do Việt Nam gia nhập WTO, cần một hệ thống pháp lý hoàn thiện hơn để phù hợp với các chuẩn mực kinh tế pháp lý thế giới trong quá trình hội nhập. Thêm vào đó, các chuẩn mực kế toán - kiểm toán mới cũng đang được xây dựng và hoàn chỉnh. Những sự thay đổi này cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng và các công ty khác nói chung.

Hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần trên lãnh thổ Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai chịu sự điều tiết của Luật Doanh Nghiệp, cũng như các văn pháp luật chuyên ngành có liên quan. Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển, các chủ thể kinh tế cũng như các mối quan hệ kinh tế mới liên tục hình thành đòi hỏi phải có sự điều chỉnh của hệ thống quy phạm pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tế. Những thay đổi của pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, có thể Công ty sẽ phải điều chỉnh các chiến lược kinh doanh đã đề ra cho phù hợp với các chính sách mới.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là duy tu sửa chữa đường bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hoạt động của Công ty phụ thuộc vào số lượng phương tiện lưu thông trên địa bàn tỉnh, thiên tai gây sạt lở, lấp đường, định hướng quy hoạch các công trình giao thông của tỉnh. Đây là những yếu tố khách quan làm cho hoạt động của Công ty bị phụ thuộc và ảnh hưởng rất lớn.

Do đặc thù hoạt động kinh doanh là duy tu sửa chữa đường bộ, Công ty cần có các đội quản lý trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Gia Lai, việc phân tán khiến cho Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc tiết kiệm chi phí và tận dụng nguồn lực.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán là để Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai. Số lượng cổ phần chào bán có thể được bán hết do các yếu tố thị trường quyết định. Việc chào bán có thể dẫn tới thay đổi cơ cấu cổ đông tại Công ty.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty nên cần phải đề phòng và có biện pháp để phòng chống các rủi ro.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

Đại diện: Ông Thái Hồng Nhân

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn : Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Đại diện: Ông Nguyễn Quang Bảo

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý, cẩn trọng và phản ánh một cách trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai cung cấp. Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị tham khảo.

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Công ty**”: Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

“**Cổ đông**”: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

“**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

“**Cổ phiếu**”: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

“**Cổ tức**”: Số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai để chia cho cổ đông.

“**Điều lệ**”: Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai đã được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 03 tháng 03 năm 2006.

“**Người liên quan**”: Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau

đây:

- Công ty mẹ và công ty con (nếu có)
- Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty thông qua các cơ quan quản lý Công ty,
- Công ty và những người quản lý Công ty;
- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty;
- Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, cháu, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối.

“Vốn điều lệ”: Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 năm 2006 của Quốc hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

Công ty	: Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại Hội Đồng Cổ Đông
HĐQT	: Hội Đồng Quản Trị
BGD	: Ban Giám Đốc
BKS	: Ban Kiểm Soát
TCHC	: Tổ chức hành chính
KHKD	: Kế hoạch kinh doanh
TGGS	: Truyền giống gia súc
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp
GVHB	: Giá vốn hàng bán
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai được thành lập theo Quyết định số 2426/QĐ-CT ngày 30/12/2005 của UBND tỉnh Gia Lai trên cơ sở chuyển đổi cổ phần từ Công ty Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường tỉnh Gia Lai.

Theo giấy đăng ký kinh doanh số 5900181735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/01/2014 thì Công ty hiện có vốn điều lệ là 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng), trong đó Nhà nước nắm giữ 219.304 cổ phần (tương đương với 48,73% vốn điều lệ).

Sản phẩm chính của công ty là dịch vụ duy tu và sửa chữa đường bộ. Từ khi cổ phần hóa, Công ty đã giữ vững và phát triển được sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và các cổ đông.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI.
- Trụ sở chính: 225A Đường Phạm Văn Đồng, tổ 14, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 059 3824208 Fax: 059 3875328
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/01/2014.
- Mã số thuế: 5900181735
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Xây dựng công trình đường bộ (Xây dựng công trình giao thông gồm: nền, mặt đường cấp phối, mặt đường nhựa, cống bê tông cốt thép các loại, cầu bê tông cốt thép, cầu thép)
 - Chuẩn bị mặt bằng (Thi công san lấp mặt bằng)
 - Xây dựng nhà các loại (Thi công các công trình dân dụng đến cấp 3)
 - Xây dựng công trình công ích (Xây dựng các công trình đập thủy lợi nhỏ)
 - Gia công mua bán các loại thiết bị an toàn giao thông đường bộ, gia công các loại ống cống BTCT và cấu kiện bê tông đúc sẵn.
 - Kinh doanh sửa chữa ô tô xe máy thi công
 - Cho thuê mua bán các loại xe máy thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu các loại.
 - Quản lý, duy tu sửa chữa đường bộ. Bảo đảm giao thông suốt, thực hiện công tác tuần đường, phối hợp với chính quyền bảo vệ với các công trình giao thông.
- Công ty mẹ là: Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

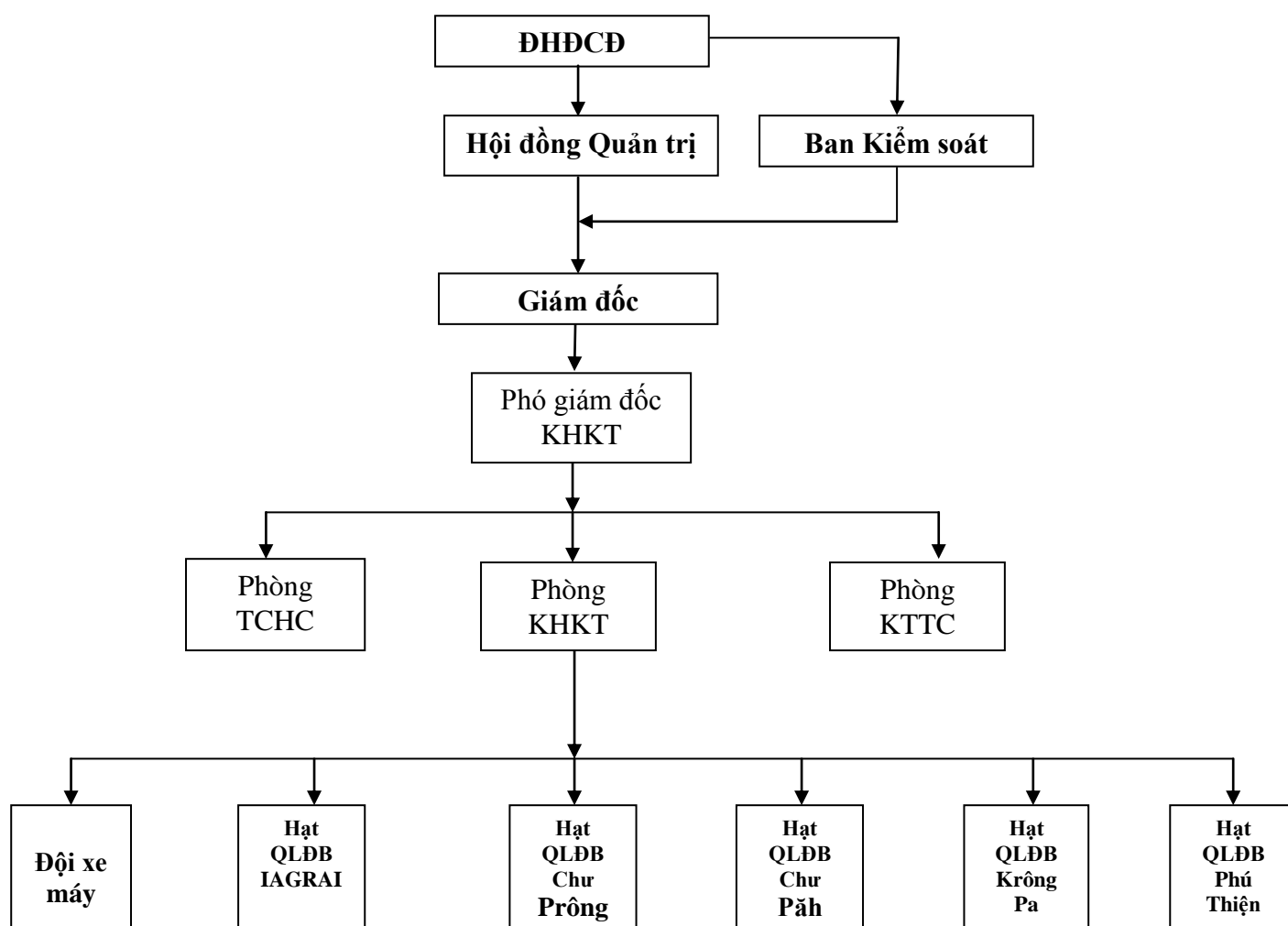
Cơ cấu vốn cổ phần của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai tại thời điểm 30/04/2017:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ %
1	Vốn nhà nước – SCIC	219.304	2.193.040.000	48,73
2	Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức	229.696	2.296.960.000	51,04
3	Cổ đông khác	1.000	10.000.000	0,22
	Tổng cộng	450.000	4.500.0000.000	100

Nguồn: CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty

2.1. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê

chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm và có thể được bầu lại nhiệm kỳ sau. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi nhiệm hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhiệm hết nhiệm kỳ.

HQĐT Công ty có ba thành viên. HĐQT bao gồm các thành viên:

- Ông Thái Hồng Nhân Chủ tịch HĐQT
- Ông Hoàng Văn Trung Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Thế Hưng Thành viên HĐQT

- **Ban kiểm soát:** là cơ quan có nhiệm vụ giúp ĐHĐCĐ giám sát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Nhiệm kỳ của BKS cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và được bàn giao quyền hạn cho ban kiểm soát nhiệm kỳ mới

BKS có 3 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu và bãi nhiệm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và BGĐ.

BKS bao gồm các thành viên:

- Ông Trần Đức Nhân Trưởng BKS
- Ông Nguyễn Thảo Thành viên BKS
- Bà Bùi Thị Thu Thành viên BKS

- **Ban Giám đốc:** chịu trách nhiệm điều hành, quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc quyền quyết định của HĐQT, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến hay bắt nguồn từ các nhiệm vụ trên.

BGĐ bao gồm các thành viên:

- Ông Nguyễn Đức Hiệp Giám đốc

- Ông Trần Đức Nhân Phó Giám đốc phụ trách Kế hoạch Kỹ thuật
- Bà Hà Thị Minh Thương Kế toán trưởng

2.2. Các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc

– Phòng Kế hoạch kỹ thuật (KHKT):

- Lập kế hoạch sửa chữa cầu đường bộ hàng năm
- Giao kế hoạch tác nghiệp và kiểm tra thực hiện kế hoạch định kỳ.
- Quyết toán các giá trị xây lắp đã hoàn thành với chủ đầu tư.
- Theo dõi cấp phát các công cụ dụng cụ, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, xe máy cho đơn vị thi công.
- Kiểm tra khảo sát khối lượng công việc trong kỳ kế hoạch để làm căn cứ phân công nhiệm vụ cho các hạt quản lý đường bộ thành viên.
- Giám sát kiểm tra và nghiệm thu kỹ thuật các hạng mục công trình giao thông.
- Hướng dẫn nghiệp vụ lập dự toán và duyệt dự toán các khối nội bộ đơn vị.

– Phòng Kế toán – Tài chính (KTTC):

- Giám sát kiểm tra toàn bộ thu chi tài chính và hạch toán kế toán nội bộ doanh nghiệp.
- Đảm bảo thực hiện công tác quản lý tài chính theo chính sách của Công ty và quy định của pháp luật.
- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc nghiệp vụ hạch toán kế toán và công tác quản lý tài chính.

– Phòng Tổ chức – Hành chính (TCHC):

- Quản lý, quy hoạch và sắp xếp công tác tổ chức cán bộ trong đơn vị.
- Thực hiện mọi chế độ chính sách đối với người lao động.
- Quản lý thực hiện công tác lao động và tiền lương, an toàn lao động và định mức lao động.
- Theo dõi, giám sát và bảo vệ tài sản của Công ty.
- Đề xuất phương án sắp xếp bộ máy tổ chức cho phù hợp với thực tiễn của Công ty.
- Đề xuất chế độ lương, thưởng cho người lao động;

– Các đội và Hạt sản xuất:

Đội xe, máy thi công:

- Quản lý và khai thác các xe, máy thiết bị hiện có.

- Tổ chức thi công bằng xe, máy đối với các công trình trong và ngoài kế hoạch.
- Sửa chữa, khắc phục những hỏng hóc vừa và nhỏ đảm bảo nhu cầu sử dụng thiết bị của đơn vị.
- Tổ chức kiểm kê hạch toán máy móc thiết bị, thực hiện kế hoạch khai thác và nâng cao hiệu quả máy móc thiết bị.

Hạt quản lý đường bộ các huyện:

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản của Công ty đặt trên địa bàn các huyện của tỉnh Gia Lai.
- Quản lý các tuyến đường mà Công ty giao.
- Kết hợp với đội sản xuất trong hoạt động quản lý và duy tu sửa chữa đường bộ.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/ vốn điều lệ hiện tại (%)
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	Tầng 23, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	219.304	48,73
2	Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức	29 A Trường Chinh, TP. Pleiku, Gia Lai	229.696	51,04

4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/ vốn điều lệ hiện tại
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	Tầng 23, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	219.304	48,73
2	Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức	29 A Trường Chinh, TP. Pleiku, Gia Lai	229.696	51,04
3	Lê Duy Ninh	Thị trấn Phú Túc, huyện KrôngPa, Gia Lai	1.000	0,22

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán

- Công ty mẹ: Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức
- Công ty con: Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: xây dựng, duy tu và sửa chữa cầu đường bộ và mảng kinh doanh vật liệu xây dựng.

6.2. Doanh thu, lợi nhuận qua các năm

DVT: nghìn đồng

KẾT QUẢ HĐKD	2014	2015	2016
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	42.138.736	34.711.330	55.506.419
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Doanh thu thuần	42.138.736	34.711.330	55.506.419
Giá vốn dịch vụ hàng bán	38.445.608	30.937.985	53.495.797
Lợi nhuận gộp	3.693.128	3.773.345	2.010.621
Doanh thu hoạt động tài chính	4.948	8.069	8.348
Chi phí tài chính	-	-	-
<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.822.078	3.167.230	2.264.764
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(124.002)	614.184	(245.794)
Thu nhập khác	3.254.545	-	-
Chi phí khác	2.983.333	-	-
Lợi nhuận khác	271.212	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	147.210	614.184	(245.794)
Chi phí thuế TNDN	32.386	135.120	-
Lợi nhuận sau thuế	114.824	479.063	(245.794)

Nguồn: BCTC kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và BCTC năm 2016

Doanh thu của Công ty biến động mạnh qua các năm, chủ yếu do các hợp đồng ký kết thay đổi và ghi nhận doanh thu dồn vào năm kết thúc hợp đồng. Năm 2016, do chi phí giá vốn tăng mạnh nên công ty đã phải ghi nhận khoản lỗ 245 triệu đồng, mặc dù doanh thu đạt mức cao nhất trong 3 năm trở lại đây.

Lưu ý: Năm 2014 và 2015, Công ty có dư nợ vay ngắn hạn 4.000.000 đồng vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, tuy nhiên khoản vay này sử dụng không đúng mục đích ghi

trong hợp đồng tín dụng nên Công ty không hạch toán chi phí lãi vay. Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế để chi trả cho khoản vay này. (Thông tin do CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai cung cấp).

6.3. Nguyên liệu phục vụ sản xuất

Nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty là vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất. Đối với vật tư vật liệu, Công ty nhập hàng từ các đơn vị thành viên cùng là công ty con của Công ty mẹ Quang Đức. Đối với máy móc thiết bị, do không có nguồn vốn đầu tư nên Công ty chủ yếu thuê hoạt động ngoài. Do đó nguyên liệu phục vụ sản xuất được đánh giá là ổn định và hiệu quả.

6.4. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
Giá vốn hàng bán	38.446	91,2%	30.937	90,71%	53.495	95,94%
Chi phí QLDN	3.822	9,1%	3.167	9,28%	2.264	4,06%
Tổng cộng	42.268	100,3%	34.104	100%	55.759	100%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và 2016

Công ty chuyên cung cấp dịch vụ duy tu sửa chữa đường bộ, giá vốn hàng hóa bao gồm nhân công, chi phí thuê máy móc và chi phí nhập nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn. Do sản xuất đặc thù Công ty không mất chi phí bán hàng, ty nhiên chi phí quản lý doanh nghiệp đang ở mức cao, thông thường tại các doanh nghiệp Việt Nam chi phí doanh nghiệp chỉ chiếm khoảng 5% doanh thu.

6.5. Trình độ công nghệ

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ duy tu và sửa chữa cầu đường bộ. Quy trình sản xuất kinh doanh là nhận quản lý, bảo trì duy tu những tuyến đường được tỉnh giao, nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh và khắc phục sự cố do thiên tai bão lụt gây ra. Công ty đầu tư nhân công và thuê máy móc hoạt động theo lối truyền thống, không áp dụng công nghệ cao, việc sở hữu và khai thác giá trị tài sản vô hình ở mức yếu.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Chất lượng công trình được phòng Kế hoạch kỹ thuật đánh giá và nghiệm thu kỹ thuật. Công ty thường xuyên kiểm tra và đánh giá chất lượng công trình thi công, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về mặt chất lượng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh 3 năm gần nhất

KẾT QUẢ HĐKD	2014	2015	2016
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	42.138.736	34.711.330	55.506.419
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Doanh thu thuần	42.138.736	34.711.330	55.506.419
Giá vốn dịch vụ hàng bán	38.445.608	30.937.985	53.495.797
Lợi nhuận gộp	3.693.128	3.773.345	2.010.621
Doanh thu hoạt động tài chính	4.948	8.069	8.348
Chi phí tài chính	-	-	-
<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.822.078	3.167.230	2.264.764
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(124.002)	614.184	(245.794)
Thu nhập khác	3.254.545	-	-
Chi phí khác	2.983.333	-	-
Lợi nhuận khác	271.212	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	147.210	614.184	(245.794)
Chi phí thuế TNDN	32.386	135.120	-
Lợi nhuận sau thuế	114.824	479.063	(245.794)

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và 2016

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016

a. Những nhân tố thuận lợi

- Công ty có khách hàng lâu năm là Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối ổn định.
- Đa số các cán bộ đã gắn bó lâu năm với công ty, có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành, có tinh thần trách nhiệm và đoàn kết. Tập thể Công ty từ nhân viên đến Ban quản lý điều hành đều quyết tâm khắc phục khó khăn, từng vị trí công tác đều làm hết trách nhiệm của mình.

b. Những nhân tố khó khăn

- Công ty gặp khó khăn khi nguồn vốn đầu tư ít, không đủ điều kiện tham gia đấu thầu, không đủ nguồn để mua sắm máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong quá trình nhận thầu lại, Công ty gặp rủi ro khi chủ thầu gặp khó khăn về tài chính không thanh toán được các khoản nợ cho Công ty.
- Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút lao động có trình độ, có tay nghề do thu nhập không cao.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty có lợi thế là doanh nghiệp đối tác lâu năm với Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai, hoạt động tương đối lâu đời trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ duy tu sửa chữa cầu đường bộ. Tuy nhiên do không đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị nên Công ty không thể trực tiếp đấu thầu. Điều đó làm hạn chế khá lớn khả năng phát triển và mở rộng kinh doanh và tăng trưởng doanh thu của Công ty.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2016, tăng trưởng GDP 2016 là 6,21% so với năm 2015. Trong bối cảnh cầu tiêu dùng và cầu đầu tư nội địa chưa có sự bứt phá, động lực tăng trưởng trong thời gian qua vẫn phụ thuộc nhiều vào ngoại lực (khối FDI), khai thác tài nguyên thiên nhiên và đầu tư công. Theo đó, khi gặp những diễn biến bất lợi trên thị trường thế giới kết hợp với việc giải ngân ngân sách gặp một số vướng mắc, việc tăng trưởng kinh tế chậm lại là khó tránh khỏi.

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện nay có nhiều công trình giao thông do Sở Giao thông vận tải tỉnh làm chủ đầu tư đang thi công như tỉnh lộ 670 tại huyện Đăk Đoa, cầu bắc qua Công viên Văn hóa các dân tộc tỉnh Gia Lai, cầu bắc qua sông Ba tại huyện Ia Pa, tỉnh lộ 663 tại huyện Chư Prông. Sau khi các công trình được đưa vào sử dụng, hoạt động duy tu sửa chữa sẽ có thêm nhiều cơ hội phát triển.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty (tại thời điểm 30/4/2017)

Tổng số lao động tại ngày 30/4/2017 của Công ty là 38 người trong đó:

- Đại học: 14 người
- Cao đẳng: 04 người
- Trung cấp: 02 người
- Lao động phổ thông: 18 người

9.2. Chính sách đối với người lao động

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

a. Chính sách tiền lương

Công ty trả lương theo thời gian làm việc và trả lương theo khối lượng công việc đã hoàn thành nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Hàng năm, cán bộ công nhân viên được xét tăng lương phụ thuộc vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và năng lực thực tế của nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Theo nghị quyết đại hội cổ đông nhiệm kỳ III (2014-2019), tỷ lệ chi trả cổ tức theo mệnh giá của Công ty dự kiến năm 2017 là 5%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá: là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao: khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của tài sản cố định phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng được ước tính như sau:

Các nhóm Tài sản cố định	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15-25 năm
- Máy móc thiết bị	6-10 năm
- Phương tiện vận tải đường bộ	6 năm
- Thiết bị đồ dùng quản lý	5 năm

b. Mức thu nhập bình quân

Mức lương bình quân của người lao động năm 2016: 4.500.000 đồng/tháng

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản công nợ của ngân hàng và nhà cung cấp luôn được Công ty quan tâm thanh toán đúng theo hợp đồng đã ký kết.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định gồm các loại thuế, phí và lệ phí luôn được Công ty thực hiện đúng và đầy đủ theo nghĩa vụ.

e. Tình hình công nợ hiện nay đến thời điểm 30/4/2017:

- ❖ Các khoản vay ngân hàng: Công ty có vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Gia Lai thời gian vay 05 tháng, dư nợ đến ngày 31/12/2016 là 1,5 tỷ đồng.

Lưu ý: khoản vay này được Công ty sử dụng không đúng mục đích ghi trong hợp đồng tín dụng nên Công ty không hạch toán chi phí lãi vay. Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế để chi trả lãi khoản vay này. (Thông tin do CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai cung cấp).

- ❖ Các khoản phải thu:

DVT: 1.000 đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2014	2015	2016
Phải thu của khách hàng	9.921.403	7.609.413	19.634.010
Trả trước cho người bán	6.741.297	7.010.599	164.186
Các khoản phải thu khác	4.942.762	2.615.130	1.225.237
Dự phòng các khoản phải thu	(1.766.916)	(2.182.916)	(2.064.099)

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và 2016

- ❖ Các khoản phải trả:

DVT: 1.000 đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2014	2015	2016
NỢ PHẢI TRẢ	22.698.215	25.718.405	2.304.0825
Nợ ngắn hạn	22.698.215	25.718.405	2.304.0825
Vay và nợ ngắn hạn	4.000.000	4.000.000	1.500.000
Phải trả cho người bán	14.728.843	4.976.298	17.249.202
Người mua trả tiền trước	4.192	14.190.210	4.192
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	1.092.523	433.383	1.745.921
Phải trả người lao động	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.803.456	968.013	2.183.144
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.069.200	948.642	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	201.859	201.859

Nợ dài hạn	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và 2016

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Khả năng sinh lời

	2014	2015	2016
Tăng trưởng DTT	25,4%	-17,6%	59,91%
Tăng trưởng LNST	-73,0%	317,2%	-151,3%
GVHB/DTT	91,2%	89,1%	96,4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/DTT	8,8%	10,9%	3,6%
Chi phí QLDN/DTT	9,1%	9,1%	4,1%
Tỷ suất LNTT/DTT	0,3%	1,8%	-0,4%
Tỷ suất LNST/DTT	0,3%	1,4%	-0,4%
ROE	2,0%	7,6%	-4,4%
ROA	0,4%	1,5%	-0,9%

Nguồn: BCTC kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và 2016

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty không ổn định. Doanh thu năm 2015 giảm 17,6% so với năm 2014. Năm 2015, doanh thu giảm nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 317,2%, chủ yếu do Công ty đã tiết giảm chi phí giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp. Sang năm 2016, mặc dù doanh thu tăng nhưng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế âm, nguyên nhân chính do giá vốn hàng bán tăng mạnh.

- Khả năng quản lý vốn lưu động

	2014	2015	2016
Vòng quay tổng tài sản	1,5	1,1	1,9
Vòng quay tài sản cố định	8,9	7,1	13,1
Vòng quay phải thu	4,2	4,6	3,6
Vòng quay hàng tồn kho	19,0	2,7	12,4
Vòng quay phải trả	2,6	6,2	4,1

Nguồn: BCTC kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và 2016

Vòng quay khoản phải thu của Công ty giao động từ mức 3,6 đến 4,6 giai đoạn 2014-2016. Công ty có hai khoản phải thu lớn là của Sở Giao thông – Vận tải tỉnh Gia Lai và Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long.

Năm 2009, Công ty có nhận thầu lại công trình do CTCP Xây dựng số 8 Thăng Long làm chủ thầu xây dựng. Tuy nhiên công trình này không được nghiệm thu, CTCP Xây dựng số 8 Thăng Long không thu được tiền và không thanh toán cho Công ty. Từ đó đến nay Công ty đã trích lập đủ dự phòng (giá trị trên 2,5 tỷ đồng) do nhận định không thu được khoản này. Năm

2011, Công ty được Sở Giao thông Vận tải chỉ định khắc phục sự cố bão lụt, sửa đường trên địa bàn tỉnh (giá trị hợp đồng trên 2,4 tỷ đồng), nguồn thu từ các dự án trồng cao su. Đến nay do các dự án cao su kinh doanh thua lỗ, Công ty không thu được khoản này và bắt đầu trích lập dự phòng từ năm 2014.

Đối với khoản phải trả, Công ty nhập hàng từ các đơn vị thành viên cùng là công ty con của Công ty mẹ Quang Đức, do đó có thể chủ động và ổn định được khoản mục này.

Vòng quay hàng tồn kho có xu hướng giảm qua các năm, số dư hàng tồn kho cuối năm 2015 tăng mạnh do Công ty đang thực hiện các hợp đồng duy tu sửa chữa, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 8,4 tỷ đồng, nguyên liệu là 2,9 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm 2014 là 2,9 tỷ đồng, nguyên liệu là 213,8 triệu đồng.

- Cơ cấu vốn và khả năng thanh toán

	2014	2015	2016
Nợ phải trả trên VCSH	3,9	4,1	4,1
Vay nợ trên VCSH	0,7	0,6	0,3
Tỷ lệ thanh toán ngắn hạn	1,0	1,1	1,1
Tỷ lệ thanh toán nhanh	0,9	0,6	1,0
Tỷ lệ thanh toán bằng tiền	0,03	0,02	0,15

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã được kiểm toán của CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai năm 2014, 2015 và 2016

Giai đoạn 2014-2016, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu tăng, chủ yếu là do tăng khoản mục phải trả người bán. Tỷ lệ thanh toán ngắn hạn và tỷ lệ thanh toán nhanh giảm của công ty xấp xỉ 1 lần, đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn của Công ty.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

Hội Đồng Quản Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Ông Thái Hồng Nhân	Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	1959
2	Ông Hoàng Văn Trung	Phó chủ tịch HĐQT	1966
3	Ông Nguyễn Thế Hưng	Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng	1959

Ban Giám Đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Ông Nguyễn Đức Hiệp	Giám đốc	1979
2	Ông Trần Đức Nhân	Phó giám đốc	1972

3	Bà Hà Thị Minh Thương	Kế toán trưởng	1989
---	-----------------------	----------------	------

Ban Kiểm Soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Ông Trần Đức Nhân	Trưởng Ban BKS	1972
2	Ông Nguyễn Thảo	Thành viên BKS	1965
3	Bà Bùi Thị Thu	Thành viên BKS	1964

12.2. Sơ yếu lý lịch

Hội Đồng Quản Trị

①	Ông:		Thái Hồng Nhân
❖	Chức vụ hiện tại	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	15/08/1959
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMND	:	230011456
❖	Địa chỉ thường trú	:	Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Gia Lai
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0913450881
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Trung cấp
❖	Quá trình công tác		
	- Từ 2010 đến nay	:	Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Tổng giám đốc Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức
❖	Số cổ phần nắm giữ	:	Đại diện cổ phần của Công ty kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức
❖	Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

❖	Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo điều lệ của công ty
❖	Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
2	Ông		Hoàng Văn Trung
❖	Chức vụ hiện tại	:	Phó chủ tịch HĐQT
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	1966
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	230885338
❖	Địa chỉ thường trú	:	Phường Hội Thương, Thành phố Pleiku, Gia Lai
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0972999557
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Đại học
❖	Quá trình công tác		
	- Từ 2010 đến nay	:	CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Phó tổng giám đốc Công ty kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức
❖	Số cổ phần nắm giữ	:	Đại diện cổ phần của Công ty kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức
❖	Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
❖	Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo điều lệ của công ty
❖	Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
3	Ông:		Nguyễn Thế Hưng
❖	Chức vụ hiện tại	:	Thành viên HĐQT
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	1959
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam

❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	230570179
❖	Địa chỉ thường trú	:	Phường Thống Nhất, TP. Pleiku, Gia Lai
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0905084478
❖	Trình độ văn hóa	:	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	:	Đại học
❖	Quá trình công tác		
	- Từ 2010 đến nay	:	CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖	Số cổ phần nắm giữ	:	Đại diện cổ phần của SCIC cn miền Trung
❖	Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
❖	Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo điều lệ của công ty
❖	Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Ban Kiểm Soát

①	Ông:		Trần Đức Nhân
❖	Chức vụ hiện tại	:	Trưởng Ban Kiểm soát
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	1972
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	230792563
❖	Địa chỉ thường trú	:	Phường Đồng Đa, Thành phố Pleiku, Gia Lai
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0905036189
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cầu đường

❖	Quá trình công tác	:	
	2010- nay	:	Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖	Số cổ phần nắm giữ		
❖	Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
❖	Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo điều lệ của công ty
❖	Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
2	Ông	:	Nguyễn Thảo
❖	Chức vụ hiện tại	:	Thành viên Ban kiểm soát
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	1965
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	230472073
❖	Địa chỉ thường trú	:	Phường Thống Nhất, TP. Pleiku, Gia Lai
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0932673455
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư đường bộ
❖	Quá trình công tác		
	- Từ 2010 đến nay	:	CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖	Số cổ phần nắm giữ	:	Không
❖	Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
❖	Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo điều lệ của công ty
❖	Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

3	Bà	:	Bùi Thị Thu
❖	Chức vụ hiện tại	:	Thành viên Ban kiểm soát
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	1964
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	230011456
❖	Địa chỉ thường trú	:	Xã Biển Hồ, TP. Pleiku, Gia Lai
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0963055427
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Đại học
❖	Quá trình công tác		
	- Từ 2010 đến nay	:	CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Kế toán trưởng tại Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức
❖	Số cổ phần nắm giữ	:	Không
❖	Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
❖	Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo điều lệ của công ty
❖	Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2016 như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2016		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.188.369.778	317.965.060	14,5%
Máy móc, thiết bị	8.235.869.933	3.867.947.551	48,2%
Phương tiện vận tải	2.300.372.126	0	0%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	30.000.000	0	0%
TỔNG	12.754.611.837	4.185.912.611	62,7%

Tình hình sử dụng đất đai

Hiện nay Công ty đang có 12 lô đất thuê trả tiền hàng năm:

S T T	Địa điểm	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu (mua/t huê/N hà nước giao)	Ghi chú
1	Trụ sở công ty, số 225A Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, Gia Lai	6.682	Giấy CNQSDĐ số BH121902 do UBND tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/12/2011 cho CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai; Quyết định số 200/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai ngày 21/11/2011 v/v cho CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai thuê đất để sử dụng vào mục đích trụ sở làm việc và cơ sở kinh doanh; Hợp đồng thuê đất số 128/HĐTĐ ngày 22/11/2011 giữa UBND tỉnh Gia Lai và CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn thuê từ 01/01/1996 đến 01/01/2046
2	Đất Hạt Quản lý đường bộ Đắc Đoa, xã Đắc Sơ Mei, huyện Đắc Đoa, Gia Lai	2.016	Thông báo số 487/TB ngày 06/5/2016 của Chi cục thuế Đắc Đoa về việc nộp tiền thuê đất.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
3	Hạt quản lý đường bộ Chư Păh, đường Hoàng Văn Thụ, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh,	1.050	Công văn số 178/CV-UB của UBND huyện Chư Păh cấp ngày 13/7/2001 v/v đề nghị Tỉnh giao đất cho Đoàn quản lý đường bộ xây trụ sở; Quyết định số 114/QĐ-UB của UBND tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/4/2003 v/v cho Công ty quản lý sửa chữa và xây dựng cầu đường bộ Gia Lai thuê đất để xây dựng	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn thuê 20 năm kể từ 15/4/2003

S T T	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu (mua/t huê/N hà nước giao)	Ghi chú
	Gia Lai		trụ trở làm việc Hạt quản lý đường bộ Chư Păh; Hợp đồng thuê đất số 132/HĐTĐ ký ngày 28/11/2011 giữa UBND tỉnh Gia Lai và CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai.		
4	Hạt quản lý đường bộ Krông Pa, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, Gia Lai	2.800	Thông báo số 374/TB-CCT ngày 22/11/2016 của Chi cục thuế Krông Pa về việc nộp tiền thuê đất năm 2016.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
5	Hạt quản lý đường bộ Chư Prông I, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, Gia Lai	1.970 ,3	Thông báo số 01TB/CCT ngày 03/4/2017 của Chi cục thuế Chư Prông	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
6	Hạt quản lý đường bộ Chư Prông II, xã Ia Pia, huyện Chư Prông, Gia Lai	2.000	Quyết định số 116/QĐ-UB ngày 15/4/2003 của UBND tỉnh Gia Lai vv cho Công ty quản lý sửa chữa và xây dựng cầu đường bộ Gia Lai thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc Hạt quản lý đường bộ Chư Prông II; Hợp đồng thuê đất số 131/HĐTĐ ngày 28/11/2011 giữa UBND tỉnh Gia Lai và CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Thời gian cho thuê 20 năm kể từ 15/4/2003
7	Hạt quản lý đường bộ Sê San, xã Ia O, huyện	5.000	Thông báo số 06/TB-CCT ngày 19/12/2016 của Chi cục thuế Ia Grai về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước	Nhà nước cho thuê	

S T T	Địa điểm	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu (mua/t huê/N hà nước giao)	Ghi chú
	Ia Grai, Gia Lai		năm 2016	đất trả tiền hàng năm	
8	Hạt quản lý đường bộ Ia Grai, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, Gia Lai	1.606	Quyết định số 251/QĐ-UB của UBND huyện Chư Păh ngày 6/2/1993 vv cấp đất xây dựng cơ quan đội 664 Chư Păh, Tờ trình số 33/TTr-UBND của UBND huyện Ia Grai ngày 8/5/2012 vv cho thuê đất sử dụng vào mục đích làm trụ sở hạt quản lý đường bộ của Công ty CP xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai, Thông báo số 07/TB-CCT ngày 19/12/2016 của Chi cục thuế Ia Grai về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2016	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
9	Hạt quản lý đường bộ Kbang, thôn 8, xã Đông, huyện Kbang, Gia Lai	1.253 ,7	Thông báo số 41/TB-CCT ngày 21/4/2015 của Chi cục thuế Kbang về việc nộp tiền thuê đất	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
10	Hạt quản lý đường bộ Kông Chro, đường Nguyễn Huệ, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, Gia Lai	1.250	Thông báo số 108/TB-CCT ngày 01/12/2016 của Chi cục thuế Kông Chro về việc tạm thu tiền thuê đất năm 2016	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
11	Hạt quản lý đường bộ Ayun Pa,	4.063 ,6	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 464CN/UB do UBND huyện Ayun Pa cấp	Nhà nước cho	Đất có kế hoạch thu hồi để xây

S T T	Địa điểm	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu (mua/t huê/N hà nước giao)	Ghi chú
	đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, Gia Lai.		ngày 11/8/1994 cho hạt quản lý đường bộ Ayun Pa, Báo cáo số 86/BC-TN&MT của phòng Tài nguyên& Môi trường thị xã Ayun Pa báo cáo kết quả kiểm tra thửa đất Hạt quản lý đường bộ Ayun Pa đang quản lý, sử dụng, Báo cáo số 39 của Phòng Tài nguyên& Môi trường thị xã Ayun Pa ngày 23/5/2012 báo cáo kết quả kiểm tra vị trí đất dự kiến xây dựng trường THCS tại khu vực đất hạt quản lý đường bộ Ayun Pa đang quản lý, sử dụng, Tờ trình số 02/TTr-CT của Công ty CP Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai ngày 16/1/2014 vv giao lại khu đất hạt quản lý đường bộ Ayun Pa đang sử dụng tại đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo cho UBND thị xã Ayun Pa quản lý và đề nghị cho Hạt quản lý đường bộ Ayun Pa thuê đất tại vị trí mới để xây dựng trụ sở làm việc, Thông báo số 382/TB-CCT ngày 06/12/2016 của Chi cục thuế Thị xã Ayun Pa về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước.	thuê đất trả tiền hàng năm	dựng trường THCS.
12	Hạt quản lý đường bộ Phú Thiện, thôn Thanh Thượng, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, Gia Lai.	1.000	Công văn số 3548/UBND-CN của UBND tỉnh Gia Lai ngày 25/11/2008 v/v thỏa thuận vị trí thuê đất cho Công ty CP XD&QLSC cầu đường Gia Lai để xây dựng trụ sở làm việc hạt quản lý đường bộ Phú Thiện, Công văn số 818/UBND-TH của UBND huyện Phú Thiện ngày 22/9/2011 vv xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thực tế do hạt QLDB	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	.

S T T	Địa điểm	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu (mua/t huê/N hà nước giao)	Ghi chú
			Phù Thiện quản lý, sử dụng.		

14. Kế hoạch kinh doanh năm 2017 - 2018

14.1 Kế hoạch về doanh thu lợi nhuận giai đoạn 2017–2018

Đơn vị: Triệu đồng

Dự báo lợi nhuận	2017	2018
Tổng doanh thu	45.000	48.000
Lợi nhuận sau thuế	448	500

Nguồn: CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa Cầu đường Gia Lai

14.2 Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới

Công ty định hướng tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh chính nhằm đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Mặc dù thị trường có những diễn biến bất lợi nhưng Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các phương án nhằm cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Chúng tôi cho rằng nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2015-2016 phản ánh đúng hoạt động của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán

Không.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán

Không.

VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về việc đấu giá

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai
- Trụ sở : 225A Đường Phạm Văn Đồng, tổ 14, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại : 059 3824208 Fax: 059 3875328
- Vốn điều lệ : 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần chào bán: 219.304 cổ phần (Tương đương 48,73% vốn điều lệ)
- Tổng giá trị chào bán: 2.193.040.000 đồng
- Giá khởi điểm: 10.300đồng/cổ phần
- Hình thức chào bán: Bán đấu giá công khai cả lô.

2. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký.

3. Địa điểm công bố thông tin

• Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

- Địa điểm : 225A đường Phạm Văn Đồng, tổ 14, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại : 059 3824208 Fax: 059 3875328

• Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

- Địa điểm : Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Q1, TPHCM

- Điện thoại : (84-8) 39143588 Fax: (84-8) 39143209

Chi nhánh Hà Nội

- Địa điểm : Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại : (84 4) 6 262 6999 Fax: (84 4) 6 278 2688
- Website : vcsc.com.vn

- **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước**

- Địa điểm : Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại : (84 4) 3 824 0703 Fax: (84 4) 6 278 0136

Chi nhánh miền Trung

- Địa điểm : 234 Nguyễn Văn Linh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, Đà Nẵng
- Điện thoại : (84 236) 366 4555 Fax: (84 236) 366 4557

4. Đăng ký mua cổ phần

4.1. Đối tượng, điều kiện tham gia đấu giá: Như quy định tại Quy chế đấu giá công khai cả lô cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai

4.2. Thời gian, địa điểm nộp tiền cọc và đơn đăng ký tham gia đấu giá

- **Thời gian làm thủ tục đăng ký:**

- Nhà đầu tư chỉ được đăng ký và đặt cọc để tham gia đấu giá từ 8h30 ngày **23/05/2017** đến 16h00 ngày **10/06/2017**

- **Địa điểm nộp tiền đặt cọc và đơn đăng ký tham gia đấu giá:**

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- **Địa điểm nộp tiền đặt cọc**

Nộp tiền đặt cọc: Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam bằng hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của SCIC. Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi, phí chuyển khoản do nhà đầu tư chịu.

- **Thông tin nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền như sau:**

- Tên tài khoản: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
- Số Tài khoản: 0011002550084
- Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- Nội dung: Họ tên/tên tổ chức; Số CMT/ Số ĐKKD (Ngày cấp, nơi cấp); Nộp tiền đặt cọc mua 219.304 cổ phần CTCP Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai.

Tiền đặt cọc không được hưởng lãi, phí chuyển khoản do nhà đầu tư chịu. Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá.

5. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá

5.1. *Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ:*

- Phiếu do tổ chức bán đấu giá cấp (bản chính).
- Có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu.
- Đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định, phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát.
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm.
- Tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký.
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được công nhận.

5.2. *Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định như sau:*

- ***Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại Tổ chức bán đấu giá:***
- ***Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại nơi tổ chức đấu giá:***

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban Tổ chức đấu giá nhận phiếu tham dự đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị cấp lại phiếu mới chậm nhất là 15 phút trước khi kết thúc thời gian bỏ phiếu và phiếu cũ coi như không còn giá trị.

6. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá

6.1. *Địa điểm tổ chức đấu giá:*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt- Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà số 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

6.2. *Thời gian tổ chức đấu giá: 14h00 ngày 20/06/2017*

6.3. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức bán đấu giá cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá (từ **ngày 21/06/2017 đến 16h00 ngày 29/06/2017**).

Đối với các bên tham gia đấu giá có tham dự cuộc đấu giá nhưng không được mua cổ phần thì trong bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá, SCIC có trách nhiệm thanh toán lại tiền đặt cọc cho các đối tượng trên (từ **21/06/2017 đến 16h00 ngày 29/06/2017**).

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được Tổ Chức Tư Vấn Bán Đấu Giá xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất trên cơ sở các tài liệu, số liệu và thông tin do Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai cung cấp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Bản công bố thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc đăng ký mua và thực hiện giao dịch chuyển nhượng cổ phần được/sẽ được thực hiện bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm nhưng không giới hạn bởi quy định về chào mua công khai cổ phiếu, quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu,... và tuân thủ các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan. Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư và việc thực hiện đầu tư của mình. Tổ Chức Chào Bán Cổ Phần và Tổ Chức Tư Vấn Bán Đấu Giá sẽ không chịu trách nhiệm nếu các tài liệu, số liệu và thông tin do Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai cung cấp không chính xác, trung thực với thực tế hoạt động của Công ty. Chúng tôi

khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

VIII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.**
- 2. Phụ lục II : Quyết định bán phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.**
- 3. Phụ lục III : Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai**
- 4. Phụ lục IV : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016**

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2017

CTCP XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

(đã ký)

HOÀNG VĂN TRUNG

Đại diện tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI

(đã ký)

NGUYỄN QUANG BẢO

Số: 152/QĐ-ĐTKDV

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
tại Công ty cổ phần Xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("SCIC");

Căn cứ Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-ĐTKVD.HĐTV ngày 25/02/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 31/3/2017 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh năm 2017 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 11/4/2014 của Hội đồng thành viên về việc ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2016 của Hội đồng thành viên SCIC về việc giao phụ trách Ban giám đốc và nhân sự người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Công văn số 5544/BTC-TCCB ngày 25/4/2016 của Bộ Tài chính về việc bàn giao công việc và phân công phụ trách Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Báo cáo định giá cổ phần SCIC tại Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai và hồ sơ bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt;

Xét đề nghị của Chi nhánh miền Trung,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bán 219.304 cổ phần (bằng chữ: Hai trăm mười chín nghìn ba trăm lẻ bốn cổ phần) của SCIC tại Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai, với tổng giá trị theo mệnh giá là 2.193.040.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ một trăm chín mươi ba nghìn không bốn mươi ngàn đồng) theo hình thức sau:

- Giá khởi điểm: 10.300 đồng/cổ phần (bằng chữ: Mười nghìn ba trăm đồng/cổ phần).
- Hình thức bán cổ phần: Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần.
- Đối tượng: Các nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của Quy chế đấu giá.
- Tỷ lệ đặt cọc: 10% giá trị lô cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Chi nhánh miền Trung chủ trì phối hợp với Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt, Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai, các đơn vị và các cá nhân liên quan của SCIC để thực hiện bán cổ phần theo đúng qui định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhân:

- Như điều 2;
- UBND tỉnh Gia Lai (để báo cáo);
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai (để biết);
- HĐQT Công ty;
- Lưu VT, VPĐH, TCKT, CNMT (T.3).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Hoàng Nguyên Học

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XD VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG TỈNH GIA LAI

CĂN CỨ:

-Luật DN được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005 và Chủ tịch nước ký sắc lệnh công bố số 33/2005 L/CTN ngày 12-12-2005.

-Nghị định 187/2004 ND-CP ngày 16-11-2004 của chính phủ về chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần .

-Quyết định số : 2426 QĐ-CT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của UBND Tỉnh Gia Lai về chuyển Công ty quản lý sửa chữa và xây dựng cầu đường tỉnh Gia Lai thành Công ty Cổ phần.

Chúng tôi những cổ đông về Đại hội đồng cổ đông thành lập : Công ty cổ phần xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai đã nhất trí thông qua nội dung của Bản điều lệ này .

Bản điều lệ này sẽ thể hiện toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng và quản lý cầu đường Gia Lai .

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1 : Tên Công ty và hình thức :

1-Tên gọi : Công ty cổ phần xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai.

2- Hình thức :

- Công ty Cổ phần xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai (sau đây gọi tắt là Công ty) là DN được thành lập dưới hình thức chuyển từ DNNN hoạt động công ích thành Công ty cổ phần. Được tổ chức và hoạt động theo luật DN do Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XI thông qua ngày 29/11/2005.

Điều 2 : Trụ sở giao dịch- địa bàn hoạt động :

1- *Trụ sở chính của Công ty* : Phạm Văn Đồng tổ 14 -Phường Thống Nhất ,TP Pleiku- Tỉnh Gia Lai .

+ *Điện thoại* : (059) 824208

Fax : (059) 875328

2- *Địa bàn hoạt động* : Trong và ngoài tỉnh .

Điều 3 : Tư cách pháp nhân.

C. TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo qui định của pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết đại hội cổ đông.

Điều 4. Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty

1- Mục tiêu:

-Mục tiêu cơ bản của Công ty là huy động vốn cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài DN, nhằm đầu tư phát triển DN nâng cao sức cạnh tranh đa dạng sở hữu, thay đổi cơ cấu vốn trong DN.

-Tập thể nhân để người lao động trong DN có cổ phần và những người đã góp vốn được làm chủ thực sự, thay đổi phương thức quản lý, thúc đẩy DN kinh doanh có hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh, tạo thêm việc làm cho người lao động, thông qua đó tăng thu nhập nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho CNVC. Góp phần vào làm tăng trưởng nền kinh tế Đất nước.

-Định từng bước tiếp tục bán thêm cổ phần, gom vốn đầu tư, tăng vốn điều lệ nhằm mở rộng cơ sở kinh doanh theo hướng cả chiều sâu lẫn chiều rộng.

2- Chức năng và kinh doanh của Công ty:

-Xây dựng công trình giao thông gồm : Hầm, mặt đường cấp phối, mặt đường nhựa, cống BTCT các loại, cầu BTCT, cầu thép.

-Thi công các công trình dân dụng đến cấp 3

-Thi công lắp đặt mặt bằng, xây dựng các công trình đập thủy lợi nhỏ.

-Thi công mua bán các loại thiết bị ATGT đường bộ, gia công sản xuất các loại ống cống BTCT và cầu diện bê tông đúc sẵn.

-Thu mua, mua bán các loại xe máy thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu các loại.

-Quản lý duy tu sửa chữa đường bộ, bảo đảm giao thông thông suốt, thực hiện công tác tuần tra công phối hợp với chính quyền cơ sở tổ chức bảo vệ các công trình giao thông.

Tập thể nhân dân xã hội, khả năng của Công ty; Công ty Cổ phần sẽ tổ chức kinh doanh các ngành nghề mà Nhà nước không cấm.

Điều 5 : Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của công ty kể từ ngày ghi trong Quyết định số :2426 /QĐ-CT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của UBND tỉnh Gia Lai " V/v chuyển Công ty quản lý sửa chữa và xây dựng cầu đường tỉnh Gia Lai thành Công ty cổ phần "

Điều 6 : Nguyên tắc tổ chức và quản lý điều hành của công ty

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng , dân chủ và tôn trọng pháp luật.

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD)
- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị, ban kiểm soát giữa 2 kỳ đại hội.
- Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của công ty là Giám đốc.

Điều 7 : Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

- Các tổ chức : Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

- Công ty cổ phần Xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai, tôn trọng và tạo điều kiện các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

MỤC 1

QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 8 : Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty :

1- Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của công ty.

2- Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh .

3- Đổi mới công nghệ, trang bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4- Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước và ngoài nước theo qui định Chính phủ

5- Kinh doanh các ngành nghề được nhà nước cho phép

6- Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước, được trực tiếp xuất, nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty và phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật.

7- Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu sản phẩm và dịch vụ chủ yếu (trừ những sản phẩm và dịch vụ do nhà nước định giá)

8- Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm : Các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo qui định của pháp luật Việt Nam.

9- Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo qui định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh.

10- Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo qui định của Bộ Luật Lao động và các qui định khác của pháp luật.

11- Mời và tiếp khách trong nước, nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của công ty và các qui định của nhà nước.

Điều 9: Quyền quản lý tài chính của công ty

1. Sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển.

2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng hoặc chưa dùng hết công suất.

3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo qui định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của công ty tại các ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo qui định của pháp luật.

4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

5. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo qui định của nhà nước.

MỤC 2 NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10 : Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký ; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh ; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do công ty thực hiện .

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.

4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo qui định của Bộ Luật Lao động. Nếu có công nhân trong công ty mà không phải là cổ đông thì phải ký thỏa ước lao động .

5. Thực hiện các qui định, pháp luật Nhà nước hiện hành .

6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán; báo cáo định kỳ theo qui định của nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.

7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo qui định của pháp luật. Tuân thủ các qui định về thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11: Nghĩa vụ quản lý tài chính của công ty

1. Thực hiện đúng chế độ và qui định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; hạch toán, kế toán- thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật qui định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của công ty .

2. Bảo toàn và phát triển vốn

3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của công ty tại thời điểm thành lập .

4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo qui định của pháp luật.

6. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của công ty.

CHƯƠNG III **VỐN- CỔ PHẦN- CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG** **MỤC 1 : Vốn**

Điều 12 : Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, Ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng.

2. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập được xác định là :4.500.000.000đ
 - Vốn thuộc sở hữu nhà nước ban đầu là :2.494.000.000 bằng 55,42 % vốn điều lệ.
 - Từ năm 2007 trở đi tùy tình hình cụ thể sẽ phát hành thêm cổ phiếu để thu hút thêm vốn và tỷ lệ vốn sẽ thay đổi theo.
3. Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội cổ đông quyết định .
4. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như :
 - Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng qui mô hoạt động của công ty.
 - Phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn kinh doanh
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty
5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội cổ đông quyết định khác, không trái pháp luật)

MỤC 2 CỔ PHẦN- CỔ PHIẾU

Điều 13 : Cổ phần, cổ phiếu

1. Vốn điều lệ của công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau; giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu của cổ đông mua cổ phần .
2. Vốn điều lệ ban hành của công ty được chia thành 450.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000VND. Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai, có nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng 10.000 NVĐ, các cổ phiếu cùng mệnh giá và cùng loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt .

Điều 14 : Hình thức cổ phiếu

1. Cổ phiếu của công ty phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam .
2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu Công ty cổ phần Xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai.
3. Công ty cổ phần Xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai, phát hành 2 loại cổ phiếu :
 - a)- **Cổ phiếu ghi danh :**
 - Là cổ phiếu của cổ phần bán theo giá ưu đãi, người sở hữu chỉ được chuyển nhượng cổ phiếu này theo qui định hiện hành.
 - Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu được đóng dấu công ty.

b) Cổ phiếu không ghi danh :

- Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng được qui định tại tiết a khoản 3 nêu trên .
- Cổ phiếu phát hành thêm khi công ty cần tăng vốn điều lệ.
- Cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo qui định tại điều lệ này.

4. Nếu cổ phiếu mờ rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn.

Điều 15 : Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo các qui định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Cổ đông muốn mua, bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký, tại trụ sở chính Công ty (nơi phát hành cổ phiếu).

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và thực hiện đúng qui định của nhà nước về thời gian chuyển nhượng. Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng Quản trị xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do cho các cổ đông .

3. Cổ phiếu không ghi danh, cổ phiếu ghi danh được tự do chuyển nhượng theo qui định của pháp luật và của bản điều lệ này.

Điều 16: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần toàn bộ cổ phần của người đã mất :

- Người thừa kế theo di chúc.
- Người thừa kế duy nhất theo luật định .
- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không phải giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật .

2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu các cổ phần được thừa kế ,trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi,nghĩa vụ của cổ đông .

Điều 17 : Phát hành cổ phiếu

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu, các loại cổ phiếu phát hành phải được Đại hội cổ đông quyết định .

2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo qui định của nhà nước và phải đăng ký vào sổ danh sách cổ đông .

MỤC 3 CỔ ĐÔNG

Điều 18 : Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty cổ phần Xây dựng và quản lý cầu sửa chữa đường Gia Lai là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại công ty.

3. Cổ đông sáng lập : Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Cổ đông sáng lập là đại diện pháp nhân hoặc cá nhân phải sở hữu ít nhất 4.000 cổ phần trở lên.

4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại công ty :

a) Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại công ty là :

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai có quyền ứng cử và trúng cử Hội đồng quản trị nếu được Đại hội cổ đông bầu.

- Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại công ty cổ phần là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

b) Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại công ty không được ủy quyền cho người khác .

c)-Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại công ty cổ phần .

e)Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản .

f) Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của công đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 19 : Quyền lợi của cổ đông

1. Được chia cổ tức tương ứng với phần góp vốn

2. Được ưu tiên mua cổ phần khi công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu

3. Được mua, bán chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo điều lệ công ty và phù hợp với luật pháp.

4. Cổ đông là đại diện pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu đại diện sở hữu từ 5000 cổ phần trở lên được đề cử vào thành viên của Hội đồng quản trị (trong đó cá nhân ứng cử phải sở hữu ít nhất 5000 cổ phần được ứng cử vào Hội đồng Quản trị).

5. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu cổ phần được tham dự đại hội cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông: Quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp; được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Giám đốc và kiểm soát viên về hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 30% vốn điều lệ được yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi:

- Có dấu hiệu hoạt động bất thường về tài chính
- Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động kinh doanh
- Có dấu hiệu về tham nhũng, hoặc cố ý gây thiệt hại cho công ty của ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

7. Được thông tin hàng tháng, quý, năm về tình hình hoạt động của công ty, về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông trong những kỳ chia cổ tức (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm: thủ thuật marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp, tác nghiệp kinh doanh...)

8. Được chia tài sản còn lại (nếu có), khi công ty giải thể, hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần tham gia.

9. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội cổ đông

Điều 20 : Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký
2. Chấp hành điều lệ của công ty
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và giám đốc
4. Chịu trách nhiệm về số lỗ của công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.
5. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp công ty giải thể.
6. Bảo vệ uy tín lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của công ty

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Mục 1: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 21 : Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Gồm : Đại hội cổ đông thành lập, Đại hội cổ đông thường niên và Đại hội cổ đông bất thường.

2. Đại hội cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại các điều 23,24,25 của bản điều lệ.

3. Nghị quyết của Đại hội cổ đông chỉ có giá trị được các cổ đông và đại diện nắm giữ trên 51 % tổng số cổ phần (vốn điều lệ) của công ty thông qua.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông

a) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần .

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát.

c) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty.

d) Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty

d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm

g) Thông qua định hướng phát triển của công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế sổ toán.

h) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

Điều 22 : Đại hội cổ đông thành lập

1. Thành phần tham gia Đại hội cổ đông thành lập là các cổ đông

2. Đại hội cổ đông thành lập chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham gia dự đại diện cho ít nhất 75% số vốn điều lệ.

3. Đại hội cổ đông thành lập có nhiệm vụ :

- Thảo luận và thông qua điều lệ

- Bầu hội đồng quản trị và ban kiểm soát

- Thông qua phương án sản xuất kinh doanh

- Quyết định bộ máy tổ chức quản lý của công ty

Điều 23 : Đại hội cổ đông thường niên

1. Đại hội cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời gian 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội cổ đông thường niên là hợp lệ khi có số cổ đông: Đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây :

- a) Báo cáo Tài chính hàng năm
- b) Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty
- c) Báo cáo của ban kiểm soát về quản lý Công ty của HĐQT, giám đốc.
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ đông của từng loại
- d) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 24: Đại hội cổ đông bất thường

1. Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội cổ đông bất thường.

Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị
- Nhóm cổ đông sở hữu từ 30% vốn điều lệ của công ty

2. Đại hội cổ đông bất thường là hợp lệ nếu có số cổ đông:

- Đại diện cho 65% vốn điều lệ : triệu tập lần thứ nhất
- Đại diện cho 51% vốn điều lệ : triệu tập lần thứ hai
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông bất thường :

- Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường;
- Bãi nhiệm và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên vi phạm điều lệ gây thiệt hại cho công ty;
- Giải thể chi nhánh và văn phòng đại diện;
- Biểu quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 25 : Thể thức triệu tập và tiến hành các đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo triệu tập đại hội cổ đông phải được gửi bằng thư cho các cổ đông trước 10 ngày.

Thông báo triệu tập đại hội cổ đông phải kèm theo dự thảo chương trình nghị sự và địa điểm đại hội.

2. Các cổ đông được quyền tham gia dự đại hội lần đầu, thường niên bất thường theo tỷ lệ qui định. Những vấn đề được số cổ đông đại diện trên 10% vốn điều lệ đề nghị, thì được đưa vào chương trình đại hội. các cổ đông không đủ số cổ phần cần thiết phải tự nhóm lại để đại diện tham gia đại hội. (Phải gửi bằng văn bản trước 3 ngày trước ngày khai mạc).

3. Những cổ đông không đến dự đại hội, được phép ủy quyền cho đại diện thay thế.
4. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện)
5. Đại hội thường niên hoặc đại hội bất thường do chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy nhiệm cho một ủy viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Đại hội cổ đông thành lập thì sáng lập viên đại diện vốn nhà nước làm chủ tọa.
6. Đại hội bầu thư ký đại hội và ban kiểm phiếu
7. Biên bản Đại hội cổ đông được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc hai ủy viên Hội đồng quản trị.
8. Đại biểu đương nhiên dự đại hội cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và đại diện hợp pháp cho ít nhất 1000 cổ phần.

Điều 26: Việc ủy quyền tham dự đại hội cổ đông

1. Cổ đông được ủy quyền cho đại diện thay thế tham dự đại hội cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội cổ đông nhưng không được đề cử tại Đại hội cổ đông với tư cách cá nhân.
2. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của công ty nhưng phải là người thừa kế hợp pháp của cổ đông.
3. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc.
4. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.
6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị.

Điều 27: Thông qua Nghị quyết của đại hội cổ đông

Đại hội cổ đông thông qua Nghị quyết tại các phiên họp, hoặc bằng văn bản có chữ ký của tất cả cổ đông, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín.

1. Thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông tại cuộc họp :
 - a) Biểu quyết tại đại hội phải công khai trực tiếp và bỏ phiếu kín.
 - b) Nghị quyết, Quyết định của Đại hội được thông qua tại cuộc họp khi : Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
 - c) Đối với quyết định về loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi bổ sung điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty. Bán hơn 50% tổng

- giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

2. Thông qua Nghị quyết đại hội cổ đông. Trường hợp thông qua (dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) thì Nghị quyết của Đại hội cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp nhận. Trong trường hợp này để thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị phải tiến hành các công việc sau :

- Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến.
- Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự đại hội cổ đông.

- Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu hỏi ý kiến, thông báo kết quả và các nội dung hỏi ý kiến đến tất cả cổ đông trong thời hạn 10 ngày.

3. Nghị quyết hợp lệ của đại hội cổ đông có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến, Nghị quyết.

4. Biên bản họp Đại hội cổ đông

a) Cuộc họp đại hội cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty, biên bản phải có nội dung chủ yếu sau đây :

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thời gian và địa điểm họp đại hội đồng cổ đông
- Chương trình làm việc
- Chủ tọa và thư ký
- Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại đại hội cổ đông: Số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua.
- Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết
- Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Nghị quyết của đại hội phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp đại hội cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

MỤC 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28 : Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị cao nhất của công ty giữa 2 kỳ đại hội cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có 7 thành viên do đại hội cổ đông bầu, miễn nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

3. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết (nếu cần) cử chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 29 : Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau :

1. Là cổ đông sở hữu số cổ phần từ 5000 cổ phần trở lên
2. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá 2 tổ chức sản xuất kinh doanh khác; thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của công ty.
3. Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp có kinh nghiệm quản lý công ty trong nền kinh tế thị trường.
4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.

Điều 30 : Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người đảng viên, có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý sản xuất kinh doanh, có ít nhất 5 năm làm công tác quản lý, có thể kiêm giám đốc.
2. Khi vắng mặt, chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho ủy viên thường trực Hội đồng quản trị thay mặt đảm trách việc quản trị công ty.

Điều 31: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên Hội đồng là 3 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại nhiệm kỳ sau.
2. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên cũ.
3. Trong nhiệm kỳ, Đại hội cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Điều 32 : Quyền hạn và trách nhiệm Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai, để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau :

- a) Quyết định chiến lược phát triển của công ty.
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán từng loại.
 - c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số vốn cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d) Quyết định các phương án đầu tư
 - d) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty .
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng và cán bộ trưởng phòng ,phó phòng, đội trưởng, đội phó; Quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó.
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác .
 - h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội cổ đông.
 - i) Kiến nghị mức cổ tức chi trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - k) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty, định giá tài sản góp vốn không phải tiền Việt Nam: Ngoại tệ, vàng.
 - l) Duyệt chương trình ,nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định .
 - m) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán từng loại
 - n) Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát việc điều hành của giám đốc và các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý .
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hỏi ý kiến qua thư tín, qua fax.
- Mỗi thành viên hội đồng có một phiếu biểu quyết (Không tính theo số vốn góp)
 - Cuộc họp hội đồng quản trị hợp lệ có hơn 2/3 số thành viên tham dự.
 - Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số phiếu với các thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng.

Điều 33 : Sau đại hội đồng cổ đông thành lập

Những người được bầu vào các chức danh Hội đồng quản trị có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới quản lý tại doanh nghiệp. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc làm đó.

Điều 34 : Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp kỳ 3 tháng một lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa 2 kỳ họp cũng không được quá 4 tháng.

2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị
- Kiểm soát viên trưởng và ít nhất 2/3 kiểm soát viên
- Giám đốc công ty

3. Mọi Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải ghi trong biên bản và biên bản phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký.

Điều 35 : Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

* Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách trong các trường hợp sau :

- Chết, mất trí, mất quyền công dân;
- Tự ý bỏ nhiệm sở liên tục 7 ngày trở lên/ tháng, cộng dồn 20 ngày/năm.
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân
- Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo các qui định của tòa án

Điều 36 : Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xét và quyết định .

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm, mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi đại hội gần nhất .

3. Trường hợp khuyết 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

Mọi trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị, do Đại hội cổ đông gần nhất quyết định .

Điều 37 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng Q.Trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho công ty trước pháp luật, có trách nhiệm và quyền hạn sau :

* Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau :

- a- Lập chương trình kế hoạch HĐ của HĐQT

b- Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình nội dung ,tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.

c- Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT

d- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các QĐ của HĐQT

d- Chủ tọa họp đại hội đồng cổ đông

e- Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình

g-Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của luật DN và điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không được ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau :

a) Nghiên cứu đánh giá tình hình ,kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển,kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ .

b) Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của công ty để thực nhiệm vụ của mình.

c) Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước đại hội cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình .

d) Thực hiện điều lệ của công ty và Nghị quyết của đại hội cổ đông,Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Điều 38 : Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao nghị quyết đại hội cổ đông quyết định.

2. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp làm việc để hưởng lương tháng thì những ngày đi làm việc được chấm công trả lương theo qui định của công ty.

3. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của công ty .

MỤC 3

GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 39: Giám đốc

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm giám đốc.

2. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch

3. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

4. Giúp việc giám đốc có phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của giám đốc.

Điều 40 : Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc

Giám đốc công ty có đủ các điều kiện sau :

1. Là đảng viên, có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý kinh doanh, có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty, hiểu biết pháp luật.
2. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 41 : Chức năng và nhiệm vụ của giám đốc

1. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý công ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm.
8. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh : Phó giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh trưởng, phó phòng, đội trưởng, đội phó của công ty.
9. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
10. Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định
11. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
12. Đại diện công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản.

Điều 42 : Quyền hạn và trách nhiệm của giám đốc

1. Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.
2. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái điều lệ, và trái Nghị quyết của Đại hội cổ đông
3. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo qui định của Hội đồng quản trị, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ Luật lao động.

4. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho công ty.

Điều 43 : Ủy quyền- Ủy nhiệm

1. Giám đốc công ty có thể ủy nhiệm cho các phó giám đốc hoặc người khác thay mặt giải quyết một số công việc của công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

2. Người được giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

4. Các trưởng phòng, đội trưởng trong công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình và tự chịu trách nhiệm nếu người được ủy quyền làm sai.

Điều 44 : Từ nhiệm và đương nhiệm mất tư cách

1. Khi giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được đơn. Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

2. Giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra một trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân;

- Tự ý bỏ nhiệm sở liên tục 7 ngày trở lên/tháng, cộng dồn 20 ngày/năm.

3. Trường hợp giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế.

Trong trường hợp tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm giám đốc mới.

MỤC 4 KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 45 : Ban kiểm soát

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

2. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.

3. Các thành viên ban kiểm soát tự đề cử 1 người là kiểm soát viên trưởng

4. Sau Đại hội cổ đông thành lập, các kiểm soát viên thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập công ty.

Điều 46 : Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên là người có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của công ty, trong đó ít nhất một kiểm soát viên phải có nghiệp vụ về tài chính kế toán.
2. Kiểm soát viên không được là thành viên của Hội đồng quản trị, giám đốc, kế toán trưởng công ty, không thể là vợ, chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ hoặc chồng; con, bố nuôi, mẹ nuôi, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, kế toán trưởng của công ty.
3. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 47 : Nhiệm kỳ kiểm soát viên

1. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và được bàn giao quyền hạn cho ban kiểm soát nhiệm kỳ mới.
2. Trong nhiệm kỳ có khuyết kiểm soát viên thì đại hội cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 48 : Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên trưởng muốn từ chức, kiểm soát viên từ nhiệm đều phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị.
2. Kiểm soát viên bị mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp khuyết chức danh kiểm soát viên trưởng thì số kiểm soát viên còn lại cử người thay thế.
4. Trường hợp khuyết chức danh kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 49 : Nhiệm vụ, quyền hạn của ban kiểm soát

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính.
2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông qui định tại khoản 2 điều 79 luật doanh nghiệp.

*Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của công ty khi kiểm tra theo qui định tại các điểm 1 và 2 điều này, trừ trường hợp Đại hội cổ đông có quyết định khác. Việc kiểm tra này không được cản trở hoạt động bình thường của hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của công ty.

3. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội cổ đông.

4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

5. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của kiểm soát viên.

7. Các kiểm soát viên được hưởng thù lao theo qui định của công ty; Chi phí cho hoạt động của kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

CHƯƠNG V

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 50 : Chế độ và quyền lợi của người lao động

1. Chế độ tuyển dụng.

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa giám đốc (hoặc người được giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với qui định của pháp luật.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại công ty

-Người lao động đang làm việc cho Công ty quản lý sửa chữa và xây dựng cầu đường tỉnh Gia Lai theo chế độ hợp đồng khi chuyển sang công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

-Khi chuyển sang công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo pháp luật và được công ty cổ phần tiếp tục thực hiện.

- Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần nếu có nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những qui định hiện hành của chính phủ.

CHƯƠNG VI

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 51 : Hạch toán

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng luật kế toán hiện hành.

3. Cuối mỗi niên khóa, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình đại hội cổ đông:

- Bảng cân đối kế toán của công ty
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Nếu có)
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ

4. Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát ít nhất trước 15 ngày của kỳ đại hội thường niên.

5. Sau đại hội, các văn bản, biên bản đại hội cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng công ty theo Luật định.

Điều 52 : Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ :

1. Theo các qui định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty gồm :

- Lợi nhuận thực hiện = Tổng thu nhập - tổng chi phí
- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận thực hiện - (trừ) các khoản lỗ năm trước (nếu có) theo qui định luật thuế TNDN.

- (trừ) thuế TNDN

-(trừ) chia lãi cho các thành viên góp vốn

liên kết theo qui định của Hợp đồng.

-(trừ) trích 10% vào quỹ dự phòng tài

chính, khi số dư quỹ = 25% vốn điều lệ thì không trích nữa.

* Số lợi nhuận còn lại khi trừ các quỹ trên sẽ được chia theo tỷ lệ vốn NN đầu tư tại DN (55,42%); Tỷ lệ vốn tại Doanh nghiệp là : 44,58%.

2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ.

a) Trích ít nhất bằng 30% lập quỹ đầu tư phát triển công ty

b) Trích tối đa 5% để lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty, với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn NN tại Công ty phải bằng hoặc lớn hơn tỷ suất lợi nhuận kế hoạch.

c) Trích các quỹ khác (Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi) do Hội đồng quản trị quyết định . Sau khi tham khảo ý kiến của BCH Công đoàn công ty .

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng qui chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình đại hội cổ đông quyết định cho từng năm.

4. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn qui hoặc 6 tháng.

Điều 53 : Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích lập quỹ dự trữ để bù lỗ
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời đại hội cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VII GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 54 : Giải thể

Công ty cổ phần xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai giải thể trong các trường hợp sau :

1. Trường hợp công ty bị lỗ 3/4 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể công ty.
2. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị để Đại hội cổ đông bất thường quyết định giải thể công ty.
3. Quyết định của Tòa án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Điều 55: Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể công ty, Đại hội cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo thời gian qui định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thanh lý viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 56 : Tổ tụng, tranh chấp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho giám đốc trong mọi giai đoạn tranh tụng .
2. Công ty cổ phần xây dựng và quản lý sửa chữa cầu đường Gia Lai có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tổ tụng, tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng nhà nước theo qui định hiện hành.
4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị

bỏ qua các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUI ĐỊNH KHÁC

Điều 57 : Điều khoản thi hành

Công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây :

- Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng tiền theo qui định của nhà nước hoặc có công ty tài chính bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại.
- Đã bầu hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cử giám đốc điều hành
- Đại hội cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản điều lệ.
- Đã giao quyền quản trị công ty cho Hội đồng quản trị
 - Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan nhà nước theo luật pháp hiện hành.

Điều 59 : Con dấu

- Con dấu của công ty được khắc theo mẫu qui định thống nhất của Bộ công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền.
- Hội đồng quản trị giao ban giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 60 : Đăng ký điều lệ

Bản điều lệ này gồm 8 chương, 60 điều, được đại hội cổ đông thành lập công ty cổ phần thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 03 tháng 03 năm 2006. Những điều không có trong bản điều lệ này thì thực hiện theo Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 29-11-2005. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của chủ tịch hội đồng quản trị mới có giá trị.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN CHỦ TỊCH

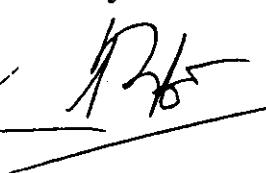


PHAM DINH THU

Ủy viên


T.T. PHAN

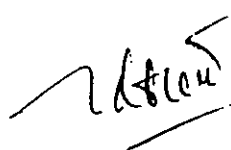
Ủy viên



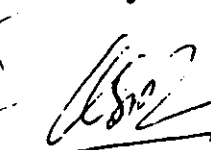
Ủy viên



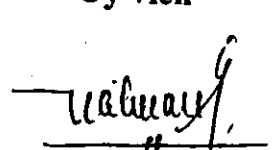
Ủy viên



Ủy viên



Ủy viên



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Báo cáo tài chính năm 2014 của***CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI***Số: 093-2015/KVAC.KiT***Kính gửi: Ban Giám Đốc và Chủ Sở Hữu****CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI, được lập ngày 11 tháng 04 năm 2015, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2015***Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán Tư Vấn Khang Việt**

Kiểm toán viên công chứng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1276-2013-181-1

Kiểm Toán Viên**Trần Vĩnh Hiến**

Kiểm toán viên công chứng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2204-2013-181-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

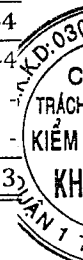
Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		22.862.218.707	20.736.501.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.01	761.861.030	517.571.910
1. Tiền	111		761.861.030	517.571.910
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.347.889.968	18.891.007.090
1. Phải thu của khách hàng	131	IV.02	9.921.403.444	16.020.598.564
2. Trả trước cho người bán	132	IV.03	6.741.296.963	4.454.586.328
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV.04	2.465.702.561	1.824.706.318
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.780.513.000)	(3.408.884.120)
IV. Hàng tồn kho	140		3.065.585.813	868.267.826
1. Hàng tồn kho	141	IV.05	3.065.585.813	868.267.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.686.881.896	459.654.819
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.06	1.686.881.896	459.654.819
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		4.658.098.328	6.545.786.628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.658.098.328	6.507.144.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.07	4.658.098.328	6.452.080.648
- Nguyên giá	222		11.917.611.837	13.114.381.064
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.259.513.509)	(6.662.300.416)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	55.063.636
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	38.642.344
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	38.642.344
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		27.520.317.035	27.282.288.273



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		22.900.073.508	20.998.045.673
I. Nợ ngắn hạn	310		22.900.073.508	20.998.045.673
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.08	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	IV.09	14.728.843.354	8.558.312.053
3. Người mua trả tiền trước	313		4.192.000	1.022.466.286
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.10	1.092.523.102	1.428.788.065
5. Phải trả người lao động	315		-	3.780.750.921
6. Chi phí phải trả	316		-	5.800.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.11	1.803.456.282	1.224.428.348
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	IV.12	1.069.200.000	977.500.000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	IV.13	201.858.770	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400		4.620.243.527	6.284.242.600
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.14	4.620.243.527	6.284.242.600
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.500.000.000	4.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	1.233.460.166
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	484.860.301
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		120.243.527	65.922.133
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)	440		27.520.317.035	27.282.288.273

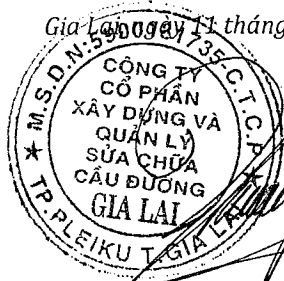
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.679.968.120	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Gia Lai ngày 11 tháng 04 năm 2015



NGUYỄN ĐỨC HIỆP

Giám Đốc

TRẦN ĐÔNG NHẬT

Kế Toán Trưởng

5-C.T.
HẠN
VẤN
T
HI N

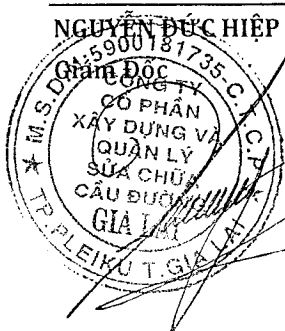
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	01	V.01	42.138.736.281	33.607.273.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 02)</i>	10	V.02	42.138.736.281	33.607.273.362
4. <i>Giá vốn hàng bán</i>	11	V.03	38.445.607.831	28.973.812.748
5. <i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</i>	20		3.693.128.450	4.633.460.614
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.04	4.947.500	12.414.987
7. Chi phí tài chính	22		-	338.813.888
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.822.078.125	3.636.079.995
10. <i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]</i>	30		(124.002.175)	670.981.718
11. Thu nhập khác	31	V.05	3.254.545.454	13.597.000
12. Chi phí khác	32	V.06	2.983.333.333	169.491.883
13. <i>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</i>	40		271.212.121	(155.894.883)
14. <i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</i>	50		147.209.946	515.086.835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.07	32.386.188	89.118.798
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</i>	60		114.823.758	425.968.037
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.08	121	198

Gia Lai, ngày 11 tháng 04 năm 2015



TRẦN ĐÔNG NHẬT
Kế Toán Trưởng

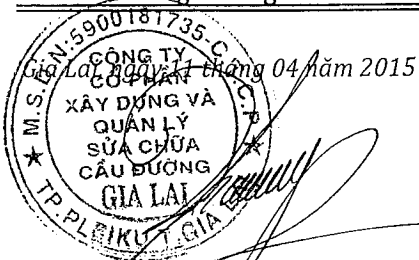
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		147.209.946	515.086.835
2 Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		868.425.214	240.190.658
- Các khoản dự phòng	03		(1.038.000.000)	728.916.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(276.159.621)	(12.414.987)
- Chi phí lãi vay	06		418.088.890	338.813.888
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.564.429	1.810.592.394
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.944.261.165	(7.960.103.388)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.197.317.987)	1.992.720.698
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)	11		1.776.044.336	8.253.833.074
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		38.642.344	35.802.385
- Tiền lãi vay đã trả	13		(418.088.890)	(336.013.888)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(89.118.798)	(69.870.559)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		182.716.109	113.946.160
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.369.193.951)	(407.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.012.491.243)	3.433.656.876
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.002.712.591)	(5.867.877.257)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.254.545.454	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.947.500	12.414.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.256.780.363	(5.855.462.270)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.000.000.000	8.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.000.000.000)	(5.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	2.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		244.289.120	78.194.606
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	517.571.910	439.377.304
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	761.861.030	517.571.910



NGUYỄN ĐỨC HIỆP
Giám Đốc

TRẦN ĐÔNG NHẬT
Kế Toán Trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần 100% vốn trong nước

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình đường bộ chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: Nền, mặt đường cấp phối, mặt đường nhựa, cống bê tông cốt thép các loại, cầu bê tông cốt thép, cầu thép; Chuẩn bị mặt bằng chi tiết: Thi công san lấp mặt bằng; Xây dựng nhà các loại chi tiết: Thi công các công trình dân dụng đến cấp 3; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình đập thủy lợi nhỏ; Gia công mua bán các loại thiết bị an toàn giao thông đường bộ, gia công các loại ống cống BTCT và cấu kiện bê tông đúc sẵn; Kinh doanh sửa chữa ô tô xe máy thi công; Cho thuê mua bán các loại xe máy thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu các loại; Quản lý, duy tu sửa chữa đường bộ, bảo đảm giao thông suốt, thực hiện các công tác tuần đường, phối hợp với chính quyền bảo vệ các công trình giao thông.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

6. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong suốt thời gian tiếp theo

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lập vào tình trạng phá sản hoặc đang trong giai đoạn làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên 06 (sáu) tháng đến dưới 01 (một) năm	30%
Từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm	50%
Từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm	70%
Trên 03 (ba) năm	100%

4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp sản phẩm hoàn thành tương đương.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

7. Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8 Các khoản dự phòng phải trả

Công ty trích quỹ dự phòng tiền lương 17% trên tổng quỹ lương thực hiện

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn pháp định đã đầu tư.
 - Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- **Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:**
 - + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- **Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:**

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:**

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Hợp đồng xây dựng

- **Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:**

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

- **Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:**

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	7.151.284	73.486.311
- Tiền gửi ngân hàng	754.709.746	444.085.599
Cộng	761.861.030	517.571.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

02. Phải thu của khách hàng

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh Gia Lai	9.921.403.444	13.340.630.444
- Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 8 Thăng Long	-	2.558.388.120
- Phải thu các khách hàng khác	-	121.580.000
Cộng	9.921.403.444	16.020.598.564

03. Trả trước cho người bán

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Cơ giới và xây lắp Gia lai	6.640.999.981	2.896.000.000
- Các nhà cung cấp khác	100.296.982	220.000.000
- Công Ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang	-	1.338.586.328
Cộng	6.741.296.963	4.454.586.328

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu người lao động	157.271.100	-
- Phải thu ngắn hạn khác (*)	2.308.431.461	1.824.706.318
Cộng	2.465.702.561	1.824.706.318

(*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Công Ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức (TNHH)	1.759.000.000	1.759.000.000
- Thái Nữ Kiều Trang	542.776.508	-
- Các khoản phải thu khác	6.654.953	65.706.318
Cộng	2.308.431.461	1.824.706.318

05. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	213.846.758	145.765.760
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.851.739.055	722.502.066
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.065.585.813	868.267.826

06. Tài sản ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tạm ứng	1.686.881.896	139.654.819
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	320.000.000
Cộng	1.686.881.896	459.654.819

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.188.369.778	8.595.639.160	2.300.372.126	30.000.000	-	13.114.381.064
- Mua trong năm	-	2.057.776.227	-	-	-	2.057.776.227
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.254.545.454	-	-	-	3.254.545.454
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.188.369.778	7.398.869.933	2.300.372.126	30.000.000	-	11.917.611.837
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.742.512.174	2.691.260.840	2.198.527.402	30.000.000	-	6.662.300.416
- Khấu hao trong năm	42.993.610	769.879.925	55.551.679	-	-	868.425.214
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	271.212.121	-	-	-	271.212.121
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.785.505.784	3.189.928.644	2.254.079.081	30.000.000	-	7.259.513.509
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	445.857.604	5.904.378.320	101.844.724	-	-	6.452.080.648
- Tại ngày cuối năm	402.863.994	4.208.941.289	46.293.045	-	-	4.658.098.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

08. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000

(*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại thương Việt Nam: theo hợp đồng tín dụng số 326/14/NHNT ngày 02/010/2014.

- Hạn mức tín dụng: 4.000.000, 00 VND
- Lãi suất: 9,6%
- Thời gian vay là 06 tháng.
- Mục đích vay : Chi phí công trình.
- Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09/04/NHNT ngày 09/04/2012 và 23/07A/NHNT ngày 23/07/2012.

09. Phải trả người bán

Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty KD hàng xuất khẩu Quang Đức	4.036.524.936	-
- Công ty Đông Hưng Gia Lai	2.980.333.271	1.147.083.000
- Công ty TNHH ĐT TMDV Tín Thành	2.817.380.500	-
- Phạm Văn Tuấn	1.021.556.276	-
- Nguyễn Thảo	842.555.148	-
- Nguyễn Văn Thành	627.771.542	-
- Hồ Thế Hải	612.445.800	-
- Hợp tác xã VT& DV Plieku	600.000.000	-
- Phạm Đình Tuyên	176.445.601	-
- Trần Quốc Sử Đội 1	173.348.192	-
- Trà Thanh Lâm	126.418.725	-
- Công ty TNHH SƠN ĐAT	120.513.811	-
- Trần Văn Toàn	110.125.991	-
- Các nhà cung cấp khác	483.423.561	1.790.173.414
- Công Ty Cổ Phần Thăng Long	-	1.065.647.000
- Phải trả cho đội thi công	-	4.555.408.639
Cộng	14.728.843.354	8.558.312.053

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	648.034.423	1.217.308.457
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	215.102.297	89.118.798
- Thuế thu nhập cá nhân	97.804.725	44.932.669
- Thuế tài nguyên	18.693.930	7.976.296
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	64.956.940	66.895.410
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	47.930.787	2.556.435
Cộng	1.092.523.102	1.428.788.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính: VND)

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	730.286	-
- Bảo hiểm xã hội	935.445.111	694.022.504
- Bảo hiểm y tế	103.639.565	131.154.526
- Kinh phí công đoàn	157.710.728	112.792.028
- Bảo hiểm thất nghiệp	44.581.901	58.047.258
- Phải trả khác (*)	561.348.691	228.412.032
Cộng	1.803.456.282	1.224.428.348

(*) Chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả khác	427.145.093	171.052.513
- Phải trả lãi BHXH	117.814.129	46.847.679
- Tạm ứng	16.389.469	10.511.840
Cộng	561.348.691	228.412.032

12. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Trích dự phòng tiền lương	1.069.200.000	977.500.000
Cộng	1.069.200.000	977.500.000

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Giá trị
- Số đầu năm	(65.706.318)
- Tăng do trích lập từ quỹ đầu tư phát triển	157.005.720
- Tăng do trích lập từ quỹ dự phòng tài chính	110.559.368
- Số cuối năm	201.858.770

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	4.500.000.000	1.233.460.166	484.860.301	(858.180.341)		5.360.140.126
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	425.968.037	-	425.968.037
- Tăng khác	-	-	-	498.134.437	-	498.134.437
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	4.500.000.000	1.233.460.166	484.860.301	65.922.133	-	6.284.242.600
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	114.823.758	-	114.823.758
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác		(1.233.460.166)	(484.860.301)	(60.502.364)	-	(1.778.822.831)
Số dư cuối kỳ	4.500.000.000	-	-	120.243.527	-	4.620.243.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính: VND)

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng Công Ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	2.193.040.000	2.193.040.000
- Công Ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức (TNHH)	2.296.960.000	2.296.960.000
- Ông Lê Duy Ninh	10.000.000	10.000.000
Cộng	4.500.000.000	4.500.000.000

c. Cổ phiếu

Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	450.000	450.000
+ Cổ phiếu phổ thông	450.000	450.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	25.178.209	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	42.113.558.072	33.607.273.362
Cộng	42.138.736.281	33.607.273.362

02. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	25.178.209	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	42.113.558.072	33.607.273.362
Cộng	42.138.736.281	33.607.273.362

03. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa	22.030.908	-
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	38.423.576.923	28.973.812.748
Cộng	38.445.607.831	28.973.812.748

04. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	4.947.500	12.414.987
Cộng	4.947.500	12.414.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

05. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản	3.254.545.454	-
- Khác	-	13.597.000
Cộng	3.254.545.454	13.597.000

06. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản	2.983.333.333	-
- Khác	-	169.491.883
Cộng	2.983.333.333	169.491.883

07. Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	32.386.188	89.118.798
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	32.386.188	89.118.798

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Cuối năm
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.707.582
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	60.502.364
- Tổng thu nhập chịu thuế	147.209.946
- Thu nhập tính thuế trong kỳ	147.209.946
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22,00%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.386.188

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.321.394	89.118.798
- Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	54.321.394	89.118.798
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	450.000	450.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	121	198

09. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	28.814.317.010	13.425.965.308
- Chi phí nhân công	7.932.886.619	9.063.266.110
- Chi phí khấu hao TSCĐ	812.790.251	240.190.658
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.009.420.155	6.692.141.126
- Chi phí bằng tiền khác	660.271.920	1.273.517.640
Cộng	41.229.685.956	30.695.080.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Đơn vị tính: VND)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như

a. Trả trước cho người bán

Chỉ tiêu
- Công ty CP Cơ giới và xây lắp Gia lai
Cộng nợ trả trước cho người bán

Năm nay	Năm trước
6.640.999.981	2.896.000.000
6.640.999.981	2.896.000.000

b. Phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu
- Công Ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức (TNHH)
Cộng nợ phải thu ngắn hạn khác

Năm nay	Năm trước
1.759.000.000	1.759.000.000
1.759.000.000	1.759.000.000

c. Phải trả người bán

Chỉ tiêu
- Công Ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức (TNHH)
P

Năm nay	Năm trước
4.036.524.936	-
4.036.524.936	-

d. Bên liên quan

- Công Ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức (TNHH)
- Tổng Công Ty Đầu tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước
- Công Ty Cổ Phần Cơ Giới và Xây Lắp Gia Lai

Mối quan hệ
Công ty mẹ
Cổ đông lớn
Cùng công ty mẹ

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI
NGUYỄN ĐỨC HIỆP
Giám Đốc
Ngày 04 tháng 04 năm 2015

TRẦN ĐỒNG NHẬT
Kế Toán Trưởng

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ
SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8- 25

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa cầu đường Gia Lai công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thành công ty Cổ phần. Công ty được tổ chức và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900181735 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 10 tháng 01 năm 2014, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 4.500.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2015: 4.500.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: (84) 059. 3824208
- Fax: (84) 059. 3875328
- Mã số thuế: 5900181735

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông gồm: Nền mặt đường cấp phối, mặt đường nhựa, cống bê tông cốt thép các loại, cầu bê tông cốt thép, cầu thép;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Thi công san lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng đến cấp 3;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng các công trình đập thủy lợi nhỏ;
- Gia công mua bán các loại thiết bị an toàn giao thông đường bộ, gia công các loại ống cống bê tông cốt thép và cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy thi công;
- Cho thuê, mua bán các loại xe máy thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu các loại;
- Quản lý, duy tu, sửa chữa đường bộ. Bảo đảm giao thông suốt, thực hiện công tác tuần đường, phối hợp với chính quyền bảo vệ với các công trình giao thông.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-----------------------|--------------|
| • Ông Thái Hồng Nhân | Chủ tịch |
| • Ông Hoàng Văn Trung | Phó chủ tịch |
| • Ông Nguyễn Thế Hưng | Thành viên |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | |
|---------------------|------------|
| • Ông Trần Đức Nhân | Trưởng ban |
| • Ông Nguyễn Thảo | Thành viên |
| • Bà Bùi Thị Thu | Thành viên |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------------|----------------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Đức Hiệp | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/11/2014 |
| • Ông Trần Đức Nhân | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/03/2015 |
| • Ông Nguyễn Thế Hưng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 15/01/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Phương | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 15/01/2016 |

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu:

- Tuân thủ các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính này không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thất Hồng Nhân

Gia Lai, ngày 05 tháng 05 năm 2016

Số: 71/2016/BCKT-TC-AVN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa cầu đường Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa cầu đường Gia Lai, được lập ngày 05/05/2016, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

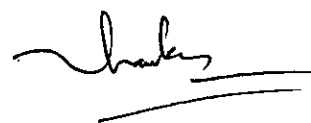
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa cầu đường Gia Lai tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam**Trần Tiến**

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1400-2015-231-I

Buôn Ma Thuột, ngày 05 tháng 05 năm 2016

**Lê Thị Thanh Kim**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2896-2014-231-I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

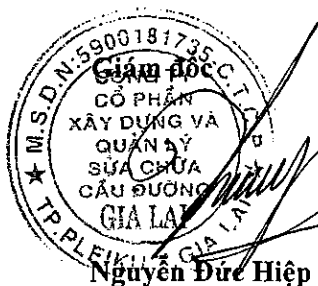
Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.015.466.126	23.784.435.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		587.833.369	761.861.030
1. Tiền	111	01	587.833.369	761.861.030
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.052.227.305	19.838.546.611
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	02	7.609.413.445	9.921.403.444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	03	7.010.599.402	6.741.296.963
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	04	2.615.130.458	4.942.762.204
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	05	(2.182.916.000)	(1.766.916.000)
IV. Hàng tồn kho	140		11.375.405.452	3.184.027.432
1. Hàng tồn kho	141	06	11.375.405.452	3.184.027.432
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.981.384.836	4.713.161.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.830.204.533	4.658.098.328
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	4.830.204.533	4.658.098.328
- Nguyên giá	222		12.754.611.837	11.917.611.887
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.924.407.304)	(7.259.513.509)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.063.636	55.063.636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	08	55.063.636	55.063.636
V. Tài sản dài hạn khác	260		96.116.667	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	09	96.116.667	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.996.850.962	28.497.597.037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.718.405.315	22.698.214.738
I. Nợ ngắn hạn	310		25.718.405.315	22.698.214.738
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	4.976.298.031	14.728.843.354
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	14.190.210.000	4.192.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	433.383.063	1.092.523.102
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	968.013.306	1.803.456.282
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	4.000.000.000	4.000.000.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	948.642.145	1.069.200.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		201.858.770	
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.278.445.647	5.799.382.299
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	6.278.445.647	5.799.382.299
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.500.000.000	4.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.500.000.000	4.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.233.460.166	1.233.460.166
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		544.985.481	65.922.133
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.922.133	65.922.133
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		479.063.348	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.996.850.962	28.497.597.037



Nguyễn Đức Hiệp

Gia Lai, ngày 05 tháng 05 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phương

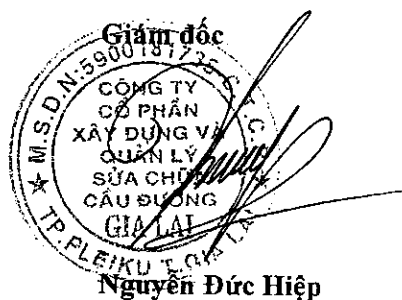
Người lập biểu

Hà Thị Minh Thương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	01	34.711.329.709	42.138.736.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		34.711.329.709	42.138.736.281
4. Giá vốn hàng bán	11	02	30.937.984.799	38.445.607.831
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>3.773.344.910</u>	<u>3.693.128.450</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	03	8.069.205	4.947.500
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	04	3.167.230.336	3.822.078.125
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>614.183.779</u>	<u>(124.002.175)</u>
11. Thu nhập khác	31	05	-	3.254.545.454
12. Chi phí khác	32	06	-	2.983.333.383
13. Lợi nhuận khác	40		-	271.212.121
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>614.183.779</u>	<u>147.209.946</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	07	135.120.431	32.386.188
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>479.063.348</u>	<u>114.823.758</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	08	1.065	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	09	1.065	-



Nguyễn Đức Hiệp

Gia Lai, ngày 05 tháng 05 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phương

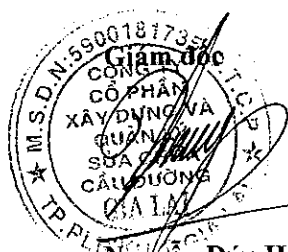
Người lập biểu

Hà Thị Minh Thương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 (Gián Tiếp)

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	697.790.349	147.209.946
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	664.893.795	868.425.214
- Các khoản dự phòng	03	295.442.145	(1.038.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.069.205)	(276.159.621)
- Chi phí lãi vay	06	-	418.088.890
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	1.650.057.084	119.564.429
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.614.585.091	1.944.261.165
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.191.378.020)	(2.197.317.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.938.963.086	1.776.044.336
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(96.116.666)	38.642.344
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(418.088.890)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(261.207.441)	(89.118.798)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	182.716.109
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(2.369.193.951)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	654.903.134	(1.012.491.243)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(837.000.000)	(2.002.712.591)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	3.254.545.454
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.069.205	4.947.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(828.930.795)	1.256.780.363
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	4.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(174.027.661)	244.289.120
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	761.861.030	517.571.910
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	587.833.369	761.861.030



Nguyễn Đức Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phương

Người lập biểu

Hà Thị Minh Thương

Gia Lai, ngày 05 tháng 05 năm 2016

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thành công ty Cổ phần. Công ty được tổ chức và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900181735 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 10 tháng 01 năm 2014, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường bộ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông gồm: Nền, mặt đường cấp phối, mặt đường nhựa, cống bê tông cốt thép các loại, cầu bê tông cốt thép, cầu thép;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Thi công san lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng đến cấp 3;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng các công trình đập thủy lợi nhỏ;
- Gia công mua bán các loại thiết bị an toàn giao thông đường bộ, gia công các loại ống cống bê tông cốt thép và cầu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy thi công;
- Cho thuê, mua bán các loại xe máy thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu các loại;
- Quản lý, duy tu, sửa chữa đường bộ. Bảo đảm giao thông suốt, thực hiện công tác tuần đường, phối hợp với chính quyền bảo vệ với các công trình giao thông.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối năm tài chính đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 25
Máy móc, thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 08

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông/thành viên góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.9 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế được phân phối theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ, Thông tư số 220/2013/TT-BTC 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư 11/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 21/01/2009 về “Hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi,....

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Hoạt động xây dựng Công ty áp dụng thuế suất 10%.
 - Các hoạt động khác: Áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	44.690.650	7.151.284
Tiền gửi ngân hàng	543.142.719	754.709.746
Cộng	587.833.369	761.861.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	341.309.000	-
Công ty CP BOT Quang Đức	341.309.000	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	7.268.104.445	9.921.403.444
Sở Giao thông vận tải	7.268.104.445	9.921.403.444
Cộng	7.609.413.445	9.921.403.444

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	6.908.146.060	6.640.999.981
Công ty KD hàng xuất khẩu Quang Đức	6.908.146.060	-
Công ty CP cơ giới và xây lắp Gia Lai	-	6.640.999.981
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	102.453.342	100.296.982
Công ty TNHH An Thành	100.000.000	100.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.453.342	296.982
Cộng	7.010.599.402	6.741.296.963

4. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	711.656.058	-	1.686.881.896	-
Công ty KD hàng XNK Quang Đức	202.776.508	-	2.301.776.508	-
Phải thu của nhân viên	157.271.100	-	157.271.100	-
Phải thu khác (*)	1.543.426.793	-	796.832.700	-
Cộng	2.615.130.459	-	4.942.762.204	-

(*) Trong đó có 1.269.206.751 đồng là chi phí không hợp lý hợp lệ, công ty chưa kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Theo đó, nếu Công ty phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm thì khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ là lỗ 790.143.403 đồng.

5. Dự phòng Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi.

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.182.916.000	1.766.916.000
Cộng	2.182.916.000	1.766.916.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.906.497.663	-	213.846.758	-
Chi phí SX, KD dở dang	8.434.539.816	-	2.970.180.674	-
Thành phẩm	34.367.973	-	-	-
Cộng	11.375.405.452	-	3.184.027.432	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.188.369.778	7.398.869.933	2.300.372.126	30.000.000	11.917.611.837
Mua sắm trong năm	-	837.000.000	-	-	837.000.000
Số cuối năm	2.188.369.778	8.235.869.933	2.300.372.126	30.000.000	12.754.611.837
Khấu hao					
Số đầu năm	1.785.505.784	3.189.928.644	2.254.079.081	30.000.000	7.259.513.509
Khấu hao trong năm	42.449.467	576.151.283	46.293.045	-	664.893.795
Số cuối năm	1.827.955.251	3.766.079.927	2.300.372.126	30.000.000	7.924.407.504
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	402.863.994	4.208.941.289	46.293.045	-	4.658.098.328
Số cuối năm	360.414.527	4.469.790.006	-	-	4.830.204.533

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 6.185.267.129 đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

	31/12/2015	01/01/2015
Xây dựng cơ bản	55.063.636	55.063.636
Cộng	55.063.636	55.063.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước dài hạn.

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	96.116.667	-
Cộng	96.116.667	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn.

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	4.036.524.936
Công ty KD hàng xuất khẩu Quang Đức	-	4.036.524.936
Phải trả người bán là các đối tượng khác	4.976.298.031	10.692.318.418
Công ty TNHH ĐT TMDV Tín Thành	-	2.817.380.500
Công ty Đông Hưng Gia Lai	980.333.271	2.980.333.271
Hồ Thế Hải	-	612.445.800
HTX Vận tải và Dịch vụ Pleiku	-	600.000.000
Nguyễn Thảo	446.179.149	842.555.148
Nguyễn Văn Thành	627.771.542	627.771.542
Phạm Văn Tuấn	858.588.702	1.021.556.276
Phạm Đình Tuyên	-	176.445.601
Trần Quốc Sử Đội 1	600.472.192	173.348.192
Công ty TNHH TMDV Lâm Nhuận Phát	582.868.000	-
Các đối tượng khác	880.085.175	840.482.088
Cộng	4.976.298.031	14.728.843.354

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn.

	31/12/2015	01/01/2015
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	14.186.018.000	-
Công ty KD hàng xuất khẩu Quang Đức	14.186.018.000	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	4.192.000	4.192.000
Sở GTVT Gia Lai- Tiền bảo hành năm 2007	4.192.000	4.192.000
Các đối tượng khác	-	-
Cộng	14.190.210.000	4.192.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Dư nợ	Dư có			Dư nợ	Dư có
Thuế GTGT	-	648.034.423	3.471.132.972	3.991.680.267	-	127.487.128
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	215.102.297	135.120.431	261.207.441	-	89.015.287
Thuế thu nhập cá nhân	-	97.804.725	-	-	-	97.804.725
Thuế tài nguyên	-	18.693.930	46.918.926	34.989.715	-	30.623.141
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	64.956.940	730.748.952	749.149.004	-	46.556.888
Các loại thuế khác	-	47.930.787	52.087.000	58.121.893	-	41.895.894
Cộng	-	1.092.523.102	4.436.008.281	5.095.148.320	-	433.383.063

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

13. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	191.392.128	157.710.728
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	385.422.937	1.083.666.377
Tạm ứng (dư có)	270.750	16.389.469
Tài sản thừa chờ giải quyết	730.286	730.286
Các khoản phải trả khác	390.197.205	544.959.222
Cộng	968.013.306	1.803.456.282

14. Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn.

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Gia Lai (*)	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000

(*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: theo Hợp đồng tín dụng số 326/14/NHNT ngày 02/10/2014.

- Hạn mức tín dụng : 4.000.000,00.
- Lãi suất: 9,6%.
- Thời gian vay là 06 tháng.
- Mục đích vay: chi phí công trình.
- Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09/04/NHNT ngày 09/04/2012 và 23/07/NHNT ngày 23/07/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Quỹ dự phòng tiền lương năm 2015	948.642.145	1.069.200.000
Cộng	948.642.145	1.069.200.000

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2015	4.500.000.000	-	1.233.460.166	65.922.133	5.799.382.299
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	4.500.000.000	-	1.233.460.166	65.922.133	5.799.382.299
Số dư tại 01/01/2015	4.500.000.000	-	1.233.460.166	65.922.133	5.799.382.299
Tăng trong năm	-	-	-	479.063.348	479.063.348
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	4.500.000.000	-	1.233.460.166	544.985.481	6.278.445.647

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức (TNHH)	2.296.960.000	2.296.960.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	2.193.040.000	2.193.040.000
Ông Lê Duy Ninh	10.000.000	10.000.000
Cộng	4.500.000.000	4.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	450.000	450.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	450.000	450.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	450.000	450.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2015	01/01/2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	65.922.133	65.922.133
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước		-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	479.063.348	-
Phân phối lợi nhuận	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	544.985.481	65.922.133

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng	-	25.178.209
Doanh thu hợp đồng xây dựng	34.711.329.709	42.113.558.072
Cộng	34.711.329.709	42.138.736.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Doanh thu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu hoạt động xây dựng			
- Công ty Kinh doanh hàng xuất nhập khẩu Quang Đức	Công ty mẹ	22.678.982.000	36.642.895.999
- Công ty CP BOT Quang Đức	Công ty con của CT Quang Đức	310.280.909	2.889.343.880
Cộng		22.989.262.909	39.532.239.879

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	22.030.908
Giá vốn hợp đồng xây dựng	30.937.984.799	38.423.576.923
Cộng	30.937.984.799	38.445.607.831

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.069.205	4.947.500
Cộng	8.069.205	4.947.500

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương nhân viên quản lý	724.937.874	1.912.626.800
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	105.974.698	259.600.951
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	27.435.023	27.435.024
Chi phí dự phòng	1.364.642.145	1.038.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.560.759	97.791.728
Các khoản chi bằng tiền khác	781.679.837	486.623.622
Cộng	3.167.230.336	3.822.078.125

5. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.254.545.454
Cộng	-	3.254.545.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thanh lý tài sản	-	2.983.333.333
Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	-	-
Cộng	-	2.983.333.333

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	614.183.779	147.209.946
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	614.183.779	147.209.946
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	135.120.431	32.386.188

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	135.120.431	32.386.188
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	479.063.348	114.823.758
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(114.823.758)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	114.823.758
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	479.063.348	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	450.000	450.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.065	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	479.063.348	114.823.758
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(114.823.758)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	114.823.758
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	479.063.348	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	450.000	450.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.065	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.084.890.487	32.104.092.578
Chi phí nhân công	11.202.126.888	7.829.102.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	664.893.795	868.425.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.088.545.444	2.386.306.191
Chi phí khác bằng tiền	563.485.636	477.097.866
Cộng	39.603.942.250	43.665.024.480

11. Thông tin về các bên liên quan

c. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Kinh doanh hàng xuất nhập khẩu Quang Đức	Công ty mẹ
Công ty CP BOT Quang Đức	Công ty con của
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Gia Lai	Công ty con của
Công ty Cổ phần BOT Quang Đức	Công ty con của
Công ty Quang Đức Kom Tum	Công ty con của
Công ty CP Khánh Tân	Công ty con của
Công ty Cổ phần Xây dựng Đắk Mi 1	Công ty con của

d. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong năm

Tên Công ty	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Mua hàng			
Công ty Kinh doanh hàng xuất nhập khẩu Quang Đức	Dịch vụ	21.322.248.581	25.079.410.766
Cung cấp dịch vụ			
Công ty Kinh doanh hàng xuất nhập khẩu Quang Đức	Dịch vụ	20.616.055.728	36.642.895.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng cho các nhà phân phối. Để hạn chế công nợ chậm thanh toán Công ty đã thực hiện mức chiết khấu thanh toán cho các nhà phân phối với các tỷ lệ trên số dư nợ cuối tháng. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.976.298.031	-	4.976.298.031
Vay và nợ thuê tài chính	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải trả khác	390.927.491	-	390.927.491
Cộng	9.367.225.522	-	9.367.225.522

01/01/2015	Không quá 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	14.728.843.354	-	14.728.843.354
Vay và nợ thuê tài chính	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải trả khác	545.689.508	-	545.689.508
Cộng	19.274.532.862	-	19.274.532.862

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	587.833.369	-	587.833.369
Phải thu khách hàng	5.426.497.445	-	5.426.497.445
Phải thu khác	1.903.474.400	-	1.903.474.400
Cộng	7.917.805.214	-	7.917.805.214

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	761.861.030	-	761.861.030
Phải thu khách hàng	8.154.487.444	-	8.154.487.444
Phải thu khác	3.255.880.308	-	3.255.880.308
Cộng	12.172.228.782	-	12.172.228.782

13. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.

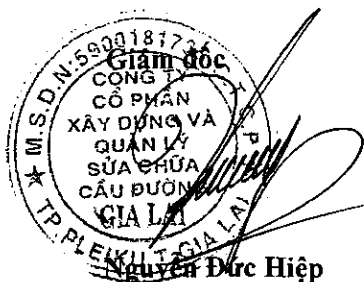
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

15. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại do thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 01/01/2015 trình bày lại		Số liệu tại ngày 31/12/2014 được kiểm toán		Chênh lệch	Ghi chú
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.942.762.204	135	3.255.951.038	1.686.811.166	(1)
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	158	1.686.881.896	(1.686.881.896)	(1)

(1) Điều chỉnh tăng Phải thu ngắn hạn khác đồng thời điều chỉnh giảm Tài sản ngắn hạn khác với số tiền 1.686.881.896 đồng. Đây là trình bày lại khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.



Nguyễn Đức Hiệp

Gia Lai, ngày 05 tháng 05 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phương

Người lập biểu

Hà Thị Minh Thương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 8
4. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	9
5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2016	10 - 11
6. Bản Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016	12 - 24

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thành công ty Cổ phần. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5900181735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp 03 lần. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Vốn điều lệ

4.500.000.000 VND

Trong đó:

Công ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức	2.296.960.000 VND, chiếm tỷ lệ 51,04%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	2.193.040.000 VND, chiếm tỷ lệ 48,73%
Ông Lê Duy Ninh	10.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 0,22%

Trụ sở hoạt động chính:

- Địa chỉ : 222A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, P. Thống Nhất, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Mã số thuế : 5900181735

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông gồm: Nền mặt đường cấp phối, mặt đường nhựa, cống bê tông cốt thép các loại, cầu bê tông cốt thép, cầu thép;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Thi công san lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng đến cấp 3;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng các công trình đập thủy lợi nhỏ;
- Gia công mua bán các loại thiết bị an toàn giao thông đường bộ, gia công các loại ống cống bê tông cốt thép và cầu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy thi công;
- Cho thuê, mua bán các loại xe máy thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu các loại;
- Quản lý, duy tu, sửa chữa đường bộ. Bảo đảm giao thông suốt, thực hiện công tác tuần đường, phối hợp với chính quyền bảo vệ với các công trình giao thông.

Hội đồng quản trị và Giám đốc

Hội đồng quản trị và Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Thái Hồng Nhân	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Trung	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hưng	Thành viên

Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi nhiệm
Nguyễn Đức Hiệp	Giám đốc	01/11/2014	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 24).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

NGUYỄN ĐỨC HIỆP

Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 05 năm 2017

Số: CAUDUONG/2016/HGVN-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP XD VÀ QL SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ Phần Xây dựng & Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AVN Việt Nam. Kiểm toán viên của Công ty TNHH kiểm toán AVN Việt Nam đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 71/2016/BCKT-TC-AVN vào ngày 05 tháng 05 năm 2016 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

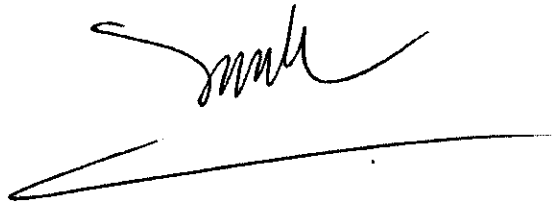
Công việc kiểm toán được chỉ định sau ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như không có điều kiện áp dụng các phương pháp thay thế khác. Vì vậy, chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để xác định chính xác và sự hiện hữu của lượng tiền mặt tồn quỹ; tình trạng và số lượng của hàng tồn kho đang được trình bày ở khoản mục hàng tồn kho tại thời điểm nêu trên.

Công ty đang ghi nhận khoản chi phí phát sinh trong năm 2016 số tiền là 632.450.160 VND vào tài khoản 1388. Nếu Công ty ghi nhận khoản chi phí này vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm thì lợi nhuận sau thuế của Công ty từ lỗ 245.794.397 VND tăng lên thành lỗ 878.244.557 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xây dựng & Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam



ĐỖ VIỆT HÀ – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN KT số: 0959-2013-220-1



HOÀNG VŨ VIÊN PHƯƠNG – Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN KT số: 1836-2013-220-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 05 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		24,192,747,530	27,015,466,126
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	3,477,179,620	587,833,369
1. Tiền		111		3,477,179,620	587,833,369
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		18,960,100,493	15,052,227,305
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	19,634,010,805	7,609,413,445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	164,186,658	7,010,599,402
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.4	1,225,237,657	1,872,617,458
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	V.2	(2,064,099,444)	(1,440,403,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		764,817	-
IV. Hàng tồn kho		140		1,741,300,750	11,375,405,452
1. Hàng tồn kho		141	V.5	1,741,300,750	11,375,405,452
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		14,166,667	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		14,166,667	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		4,245,159,580	4,981,384,836
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		-	-
II. Tài sản cố định		220		4,185,912,611	4,830,204,533
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.6	4,185,912,611	4,830,204,533
<i>Nguyên giá</i>		222		12,754,611,837	12,754,611,837
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>		223		(8,568,699,226)	(7,924,407,304)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227		-	-
<i>Nguyên giá</i>		228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>		229		-	-
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		55,063,636	55,063,636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		55,063,636	55,063,636
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		-	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		4,183,333	96,116,667
1. Chi phí trả trước dài hạn		261		4,183,333	96,116,667
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		28,437,907,110	31,996,850,962

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thông Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		22,884,319,208	25,718,405,315
I. Nợ ngắn hạn		310		22,884,319,208	25,718,405,315
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.7	17,249,202,770	4,976,298,031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.8	4,192,000	14,190,210,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.9	1,745,921,178	433,383,063
4. Phải trả người lao động		314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác		319	V.10	2,183,144,490	968,013,306
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.11	1,500,000,000	4,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	948,642,145
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		201,858,770	201,858,770
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		5,553,587,902	6,278,445,647
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.12	5,553,587,902	6,278,445,647
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		4,500,000,000	4,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển		418		1,299,382,299	1,233,460,166
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		(245,794,397)	544,985,481
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		28,437,907,110	31,996,850,962

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Người lập biểu

HÀ THỊ MINH THƯƠNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐỨC HIỆP
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tờ 14, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	55,506,419,690	34,711,329,709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	55,506,419,690	34,711,329,709
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53,495,797,817	30,937,984,799
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,010,621,873	3,773,344,910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		8,348,254	8,069,205
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	2,264,764,524	3,167,230,336
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(245,794,397)	614,183,779
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(245,794,397)	614,183,779
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	-	135,120,431
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(245,794,397)	479,063,348
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.4	(546)	1,065

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Người lập biểu

HÀ THỊ MINH THƯƠNG
Kế toán trưởng**NGUYỄN ĐỨC HIỆP**
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(245,794,397)	697,790,349
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		644,291,922	664,893,795
- Các khoản dự phòng	03		623,696,444	295,442,145
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(8,069,205)
- Chi phí lãi vay	06		186,092,000	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,208,285,969	1,650,057,084
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(5,010,632,980)	4,614,585,091
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		9,634,104,702	(8,191,378,020)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(192,906,144)	2,938,963,086
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		77,766,667	(96,116,666)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(186,092,000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(141,179,963)	(261,207,441)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,389,346,251	654,903,134
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(837,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	8,069,205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(828,930,795)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.500.000,000)	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(2,500,000,000)</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2,889,346,251	(174,027,661)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	587,833,369	761,861,030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3,477,179,620	587,833,369

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Người lập biểu

HÀ THỊ MINH THƯƠNG
Kế toán trưởngNGUYỄN ĐỨC HIỆP
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng công trình
- 3. Hoạt động chính** :
 - Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông gồm: Nền mặt đường cấp phối, mặt đường nhựa, cống bê tông cốt thép các loại, cầu bê tông cốt thép, cầu thép;
 - Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Thi công san lấp mặt bằng;
 - Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng đến cấp 3;
 - Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng các công trình đập thủy lợi nhỏ;
 - Gia công mua bán các loại thiết bị an toàn giao thông đường bộ, gia công các loại ống cống bê tông cốt thép và cầu kiện bê tông đúc sẵn;
 - Kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy thi công;
 - Cho thuê, mua bán các loại xe máy thiết bị xây dựng, vật tư, vật liệu các loại;
 - Quản lý, duy tu, sửa chữa đường bộ. Bảo đảm giao thông suốt, thực hiện công tác tuần đường, phối hợp với chính quyền bảo vệ với các công trình giao thông.
- 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.
- 5. Thuyết minh về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính**
Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm tài chính tương ứng.
- 6. Tổng số nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 121 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, vàng tiền tệ, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua và các khoản có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày báo cáo (nhưng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ và được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn... Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10

5. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm chi phí mua ngoài. Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và không quá 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích, hiểu và chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của Cơ quan thuế.

8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**10. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong năm tài chính. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	991.780.256	44.690.650
Tiền gửi ngân hàng	2.485.399.364	543.142.719
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	2.260.742.635	535.673.801
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	6.717.893	3.486.200
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	1.888.338	2.382.488
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai	216.050.498	1.600.230
Cộng	3.477.179.620	587.833.369

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần BOT Quang Đức	684.910.000	-	341.309.000	-
Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức	2.080.642.000	-	-	-
Công ty Cổ phần cơ giới và xây lắp Gia Lai	91.676.360	-	-	-
Sở giao thông vận tải	8.579.184.445	2.064.099.444	7.268.104.445	1.440.403.000
Cục quản lý đường bộ III	8.197.598.000	-	-	-
Cộng	19.634.010.805	2.064.099.444	7.609.413.445	1.440.403.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. Trả trước người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức	-	6.908.146.060
Công ty TNHH An Thành	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Thăng Long	52.033.246	-
Doanh nghiệp tư nhân Thuận Lý	11.400.001	-
Khác	753.411	2.453.342
Cộng	164.186.658	7.010.599.402

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	270.937.053	-	711.656.058	-
Bà Thái Nữ Kiều Trang	-	-	202.776.508	-
Phải thu của nhân viên	-	-	157.271.100	-
Khác	954.300.604	-	800.913.793	-
Cộng	1.225.237.657	-	1.872.617.459	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.622.859.131	-	2.906.497.663	-
Chi phí SX, KD dở dang	118.441.619	-	8.434.539.816	-
Thành phẩm	-	-	34.367.973	-
Cộng	1.741.300.750	-	11.375.405.452	-

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.188.369.778	8.235.869.933	2.300.372.126	30.000.000	12.754.611.837
Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.188.369.778	8.235.869.933	2.300.372.126	30.000.000	12.754.611.837
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.827.955.251	3.766.079.927	2.300.372.126	30.000.000	7.924.407.304
Khấu hao trong năm	42.449.467	601.842.455	-	-	644.291.922
Số cuối năm	1.870.404.718	4.367.922.382	2.300.372.126	30.000.000	8.568.699.226
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	360.414.527	4.469.790.006	-	-	4.830.204.533
Số cuối năm	317.965.060	3.867.947.551	-	-	4.185.912.611

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**7. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty KD hàng xuất khẩu Quang Đức	3.915.517.483	-
Chi cục thuế Daklak	696.431.000	-
Công ty Đông Hưng Gia Lai	980.333.271	980.333.271
Công ty TNHH MTV Huệ Anh	1.203.807.000	-
Công ty TNHH MTV Lâm Phú Gia Lai	130.701.128	-
Nguyễn Thảo	336.179.149	446.179.149
Nguyễn Văn Thành	627.771.542	627.771.542
Phạm Văn Tuấn	736.895.702	858.588.702
Công ty TNHH MTV TV & DV Nhân Thọ	284.861.000	-
Trần Quốc Sử Đội 1	459.672.192	600.472.192
Công ty TNHH TMDV Lâm Nhuận Phát	-	582.868.000
Công ty TNHH Ngọc Trân Gia Lai	1.941.460.693	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Việt Gia Lai	1.826.119.773	-
Công ty TNHH TMDV Quang Đông Thịnh	894.432.000	-
Công ty TNHH MTV Thanh Chương Gia Lai	316.393.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thư Trang	614.233.700	-
Doanh nghiệp tư nhân Hồng Phúc	689.470.155	-
Công ty TNHH MTV Sơn Mỹ	571.306.999	-
Cửa hàng vật liệu xây dựng Mãi Hương	376.676.600	-
Khác	646.940.383	880.085.175
Cộng	17.249.202.770	4.976.298.031

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức	-	14.186.018.000
Sở GTVT Gia Lai	4.192.000	4.192.000
Cộng	4.192.000	14.190.210.000

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT	127.487.128	2.083.306.926	(888.778.581)	1.322.015.473
Thuế TNDN	89.015.287	52.164.676	(141.179.963)	-
Thuế thu nhập cá nhân	97.804.725	177.210	-	97.981.935
Thuế tài nguyên	30.623.141	67.665.944	(42.741.971)	55.547.114
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	46.556.888	195.971.151	(3.722.600)	238.805.439
Các loại thuế khác	-	1.500.000	(1.500.000)	-
Phí, lệ phí, phải nộp khác	41.895.894	29.002.792	(39.327.469)	31.571.217
Cộng	433.383.063	2.429.788.699	(1.117.250.584)	1.745.921.178

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)*****Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.7.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(245.794.397)	614.183.779
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(245.794.397)	614.183.779
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	135.120.431

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	222.347.440	191.392.128
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	614.588.645	385.422.937
Tạm ứng	-	270.750
Tài sản thừa chờ giải quyết	730.286	730.286
Mượn tiền bà Thái Nữ Kiều Trang	1.000.000.000	-
Khác	345.478.119	390.197.205
Cộng	2.183.144.490	968.013.306

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	4.000.000.000	5.500.000.000	(3.000.000.000)	1.500.000.000
Cộng	<u>4.000.000.000</u>	<u>5.500.000.000</u>	<u>(3.000.000.000)</u>	<u>1.500.000.000</u>

*Hợp đồng tín dụng số: 329/16/VCB. KHBL ngày 05/12/2016.**Mục đích vay: Chi phí thi công công trình.**Hạn mức cho vay: tối đa 1.500.000.000 VND.**Thời hạn cho vay: 5 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ.**Lãi suất cho vay: Được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Gia Lai và không thay đổi suốt thời hạn vay.**Tài sản đảm bảo:*

- Xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển số 81M-3601. Giá trị định giá: 249.900.000 VND.
- Xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển số 81L-6384. Giá trị định giá: 152.000.000 VND.
- Xe ô tô con hiệu Ford, biển số 81L-9199. Giá trị định giá: 378.000.000 VND.
- Xe ô tô tải nhãn hiệu Chiến Thắng, biển số 81L-4894. Giá trị định giá: 150.000.000 VND.
- Xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, biển số 81L-6385. Giá trị định giá: 152.000.000 VND.
- Xe ô tô con hiệu Mitshubishi, biển số 81L-017.32, 08 chỗ ngồi, màu xanh sản xuất năm 2001 tại Việt Nam. Giá trị định giá: 200.000.000 VND.
- Máy san bánh lốp hiệu Mitshubishi, biển số 81LA-0041, màu vàng, sản xuất năm 1992 tại Nhật Bản. Giá trị định giá: 350.000.000 VND.
- Máy đào bánh xích hiệu Kobelco, biển số 81LA-0260, màu vàng, sản xuất năm 1994 tại Nhật Bản. Giá trị định giá: 450.000.000 VND.

12. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Tổng Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	4.500.000.000	1.233.460.166	65.922.133	5.799.382.299
Tăng trong năm trước	-	-	479.063.348	479.063.348
Số cuối năm nay	<u>4.500.000.000</u>	<u>1.233.460.166</u>	<u>544.985.481</u>	<u>6.278.445.647</u>
Số đầu năm nay	4.500.000.000	1.233.460.166	544.985.481	6.278.445.647
Tăng trong năm nay	-	65.922.133	(245.794.397)	(179.872.264)
Giảm trong năm nay	-	-	(544.985.481)	(544.985.481)
Số cuối năm nay	<u>4.500.000.000</u>	<u>1.299.382.299</u>	<u>(245.794.397)</u>	<u>5.553.587.902</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Tình hình góp vốn điều lệ tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	(VND)	Tỷ lệ (%)	(VND)	(VND)
Cổ đông				
Công ty Kinh Doanh Hàng Xuất Khẩu Quang Đức	2.296.960.000	51,04%	2.296.960.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	2.193.040.000	48,73%	2.193.040.000	-
Ông Lê Duy Ninh	10.000.000	0,22%	10.000.000	-
Cộng	4.500.000.000	100%	4.500.000.000	-

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2016 là 4.500.000.000 VND, tương đương 100% Vốn Điều lệ. Các cổ đông đã góp đủ vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	450.000	450.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	450.000	450.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	450.000	450.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	450.000	450.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	450.000	450.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.506.419.690	34.711.329.709
Cộng	55.506.419.690	34.711.329.709

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	53.495.797.817	30.937.984.799
Cộng	53.495.797.817	30.937.984.799

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	792.016.490	724.937.874
Chi phí vật liệu quản lý	18.613.636	105.974.698
Chi phí đồ dung văn phòng	12.500.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.435.023	27.435.023
Chi phí dự phòng	623.696.444	1.364.642.145
Thuế, phí, lệ phí	281.090.571	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.137.356	162.560.759
Chi phí bằng tiền khác	272.275.004	781.679.837
Cộng	<u>2.264.764.524</u>	<u>3.167.230.336</u>

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(245.794.397)	479.063.348
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(245.794.397)	479.063.348
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	450.000	450.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(546)</u>	<u>1.065</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Đại Hội đồng cổ đông, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm tài chính 2016, Công ty có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan</i>		
Mượn tiền	1.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan</i>		
Công nợ phải trả	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức	Chủ đầu tư
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	Chủ đầu tư
Công ty Cổ phần BOT Quang Đức	Cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần cơ giới và xây lắp Gia Lai	Cùng chủ đầu tư
Công ty Quang Đức Kon Tum	Cùng chủ đầu tư

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức		
Cung cấp dịch vụ	8.819.841.329	20.616.055.728
Công ty cổ phần BOT Quang Đức		
Cung cấp dịch vụ	1.245.290.908	-
Công ty CP Xây dựng và Quản lý Sửa chữa Cầu đường Gia Lai		
Bán hàng hoá	1.016.130.000	-
Cung cấp dịch vụ	20.782.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức		
Công nợ phải thu	2.080.642.000	-
Công nợ phải trả	3.915.517.483	-
Công ty cổ phần BOT Quang Đức		
Công nợ phải thu	341.309.000	684.910.000
Công ty cổ phần cơ giới và xây lắp Gia Lai		
Công nợ phải thu	91.676.360	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA CẦU ĐƯỜNG GIA LAI

Địa chỉ: 225A Phạm Văn Đồng, Tổ 14, Phường Thống Nhất, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu của kiểm toán năm trước</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>
<i>Bảng cân đối kế toán</i>			
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	27.015.466.126	27.015.466.126
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.615.130.458	1.872.617.458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(2.182.916.000)	(1.440.403.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	31.996.850.962	31.996.850.962

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Người lập biểu

HÀ THỊ MINH THƯƠNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐỨC HIỆP
Giám đốc